

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI
KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH KINH TẾ

*(Chương trình đào tạo này đã được ban hành theo Quyết định số 1273/QĐ-DH TL
ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủy lợi)*

Hà Nội, Năm 2023

Mục tiêu 2 (MT2): Người học được trang bị, nắm vững và biết khả năng phân tích đánh giá, áp dụng các kiến thức chuyên sâu về kinh tế, kiến thức chuyên ngành vào công việc thực tế, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

Mục tiêu 3 (MT3): Người học sau khi ra trường có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, kỹ năng công nghệ thông tin, nắm vững các công cụ phân tích định tính và định lượng, kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng phân tích và phản biện, đáp ứng yêu cầu công việc chuyên môn, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Mục tiêu 4 (MT4): Người học có thái độ phẩm chất chính trị, ý thức công dân tốt, có năng lực tự chủ, có khả năng tự học và tiếp tục học tập ở bậc cao hơn để nâng cao kiến thức, sáng tạo trong công việc chuyên môn.

Mục tiêu 5 (MT5): Sau khi tốt nghiệp người học có đủ năng lực làm việc, đảm nhận được các vị trí việc làm khác nhau trong lĩnh vực kinh tế kinh tế tài nguyên thiên nhiên, kinh tế phát triển, kinh tế quốc tế và kinh tế đầu tư. .

1.3. Ma trận tương thích của Mục tiêu đào tạo với Sứ mạng, Tâm nhìn, Giá trị cốt lõi của Trường

Mục tiêu CTĐT	Sứ mạng	Tâm nhìn	Giá trị cốt lõi
Mục tiêu 1 (MT1): Người học được trang bị và nắm vững các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học kinh tế xã hội, kinh tế học, có phương pháp tư duy kinh tế và khả năng giải quyết một số vấn đề kinh tế.	Là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ chất lượng cao trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, xã hội đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước.	Đến năm 2050, là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, định hướng nghiên cứu, một trong 10 trường hàng đầu ở Việt Nam trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và kinh tế; giữ vững vị trí số một trong lĩnh vực thủy lợi, thủy điện (năng lượng tái tạo), tài	Đoàn kết - Chính trực - Khát vọng –

Mục tiêu CTĐT	Sứ mạng	Tầm nhìn	Giá trị cốt lõi
		nguyên, môi trường, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.	
<p>Mục tiêu 2 (MT2): Người học được trang bị, nắm vững và biết khả năng phân tích đánh giá, áp dụng các kiến thức chuyên sâu về kinh tế, kiến thức chuyên ngành vào công việc thực tế, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.</p>	<p>Là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ chất lượng cao trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, xã hội đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước.</p>	<p>Đến năm 2050, là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, định hướng nghiên cứu, một trong 10 trường hàng đầu ở Việt Nam trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và kinh tế; giữ vững vị trí số một trong lĩnh vực thủy lợi, thủy điện (năng lượng tái tạo), tài nguyên, môi trường, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.</p>	<p>Đoàn kết - Chính trực - Khát vọng –</p>
<p>Mục tiêu 3 (MT3): Người học sau khi ra trường có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, kỹ năng công nghệ thông tin, nắm vững các công cụ phân tích định tính và định lượng, kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng phân tích và phản biện, đáp ứng yêu cầu công việc chuyên môn, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.</p>	<p>Là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ chất lượng cao trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, xã hội đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước.</p>	<p>Đến năm 2050, là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, định hướng nghiên cứu, một trong 10 trường hàng đầu ở Việt Nam trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và kinh tế; giữ vững vị trí số một trong lĩnh vực thủy lợi, thủy điện (năng lượng tái tạo), tài nguyên, môi trường, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.</p>	<p>Đoàn kết - Chính trực - Khát vọng –</p>

Mục tiêu CTĐT	Sứ mạng	Tầm nhìn	Giá trị cốt lõi
<p>Mục tiêu 4 (MT4): Người học có thái độ phẩm chất chính trị, ý thức công dân tốt, có năng lực tự chủ, có khả năng tự học và tiếp tục học tập ở bậc cao hơn để nâng cao kiến thức, sáng tạo trong công việc chuyên môn.</p>	<p>Là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ chất lượng cao trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, xã hội đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước.</p>	<p>Đến năm 2050, là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, định hướng nghiên cứu, một trong 10 trường hàng đầu ở Việt Nam trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và kinh tế; giữ vững vị trí số một trong lĩnh vực thủy lợi, thủy điện (năng lượng tái tạo), tài nguyên, môi trường, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.</p>	<p>Đoàn kết - Chính trực - Khát vọng –</p>
<p>Mục tiêu 5 (MT5): Sau khi tốt nghiệp người học có đủ năng lực làm việc, đảm nhận được các vị trí việc làm khác nhau trong lĩnh vực kinh tế.</p>	<p>Là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ chất lượng cao trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, xã hội đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước.</p>	<p>Đến năm 2050, là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, định hướng nghiên cứu, một trong 10 trường hàng đầu ở Việt Nam trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và kinh tế; giữ vững vị trí số một trong lĩnh vực thủy lợi, thủy điện (năng lượng tái tạo), tài nguyên, môi trường, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.</p>	<p>Đoàn kết - Chính trực - Khát vọng –</p>

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm và phẩm chất đạo đức như sau:

2.1. Kiến thức

Kiến thức đại cương

1. Hiểu được những kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, khoa học xã hội, pháp luật của Nhà nước, hiểu biết về an ninh quốc phòng, công nghệ thông tin và các kiến thức giáo dục đại cương khác.

Kiến thức cơ sở khối ngành, cơ sở ngành

2. Vận dụng được các kiến thức kinh tế cơ sở khối ngành, cơ sở ngành khi xem xét, giải quyết các vấn đề kinh tế, kinh doanh và quản lý trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

3. Áp dụng được các phương pháp và công cụ phân tích kinh tế để đánh giá, giải quyết các vấn đề kinh tế phát sinh trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp.

Kiến thức ngành, chuyên ngành

4. Chuẩn kiến thức chuyên ngành Tài nguyên thiên nhiên: Vận dụng được các kiến thức về các kinh tế tài nguyên thiên nhiên và môi trường nhằm khai thác, sử dụng tối ưu các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường phục vụ phát triển các ngành kinh tế - xã hội. Có kiến thức về phân tích chi phí- lợi ích trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường nhằm đánh giá tác động kinh tế và môi trường của các dự án. Có kiến thức phân tích đánh giá và xây dựng chính sách phục vụ quản lý tài nguyên và môi trường.

5. Chuẩn kiến thức chuyên ngành Kinh tế Phát triển: Vận dụng được các kiến thức về hoạch định chiến lược, chính sách, các kế hoạch phát triển của vùng, ngành, tổ chức và doanh nghiệp; Có khả năng phân tích, dự báo các biến số kinh tế, phân tích đánh giá hiệu quả các chương trình dự án, các vấn đề kinh tế xã hội như tăng trưởng kinh tế, xoá đói giảm nghèo, đánh giá hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp; Có kiến thức và khả

năng quản lý các nguồn lực cho phát triển; Có khả năng vận dụng các mô hình kinh tế để tư vấn chính sách phát triển cho các ngành, cho các tổ chức quản lý ngành, nền kinh tế và các chính quyền địa phương

6. Chuẩn kiến thức chuyên ngành Kinh tế Quốc tế: Vận dụng được các kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế, thương mại quốc tế, đầu tư và tài chính quốc tế; Có khả năng vận dụng tốt các kiến thức về thị trường thế giới, về các chiến lược kinh doanh và đối tác thương mại quốc tế, các nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu và các hoạt động diễn ra trong chuỗi cung ứng toàn cầu cũng như các kiến thức về tín dụng và thanh toán quốc tế, logistics. Nắm vững các kiến thức cơ bản về luật, quy định, thỏa ước quốc tế và kỹ năng đàm phán trong môi trường quốc tế

7. Chuẩn kiến thức chuyên ngành Kinh tế Đầu tư: Vận dụng được các kiến thức về lập và thẩm định các dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư, thị trường vốn, đầu tư tài chính, các phương thức đấu thầu trong nước và quốc tế; Có kiến thức và khả năng ứng dụng vào việc nghiên cứu khả thi, tổ chức đấu thầu và quản trị vận hành lý các dự án đầu tư tư nhân và đầu tư công; Hiểu và có khả năng vận dụng các công cụ và phương pháp tiên tiến trong tổ chức, quản lý hoạt động đầu tư, ra quyết định đầu tư, quản lý rủi ro hoạt động đầu tư đáp ứng yêu cầu thực tiễn và được trang bị các kiến thức để đưa ra quyết định đầu tư.

2.2. Kỹ năng

Kỹ năng nghề nghiệp

8. Có phương pháp tư duy kinh tế, vận dụng các quan điểm khác nhau vào phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế.

9. Có khả năng xử lý tình huống, giải quyết vấn đề chuyên môn và nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực kinh tế

10. Có kỹ năng nhận diện, đánh giá, phản biện, có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm soát và tương tác để giải quyết các vấn đề kinh tế

11. Có kỹ năng sử dụng các phương pháp phân tích định tính, định lượng và đề xuất các giải pháp để giải quyết các vấn đề kinh tế của ngành, tổ chức và doanh nghiệp.

Kỹ năng tin học, ngoại ngữ

12. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng phần mềm phân tích thống kê kinh tế, đáp ứng yêu cầu công việc trong lĩnh vực kinh tế

13. Có năng lực ngoại ngữ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam để đáp ứng yêu cầu chuyên môn.

Kỹ năng mềm

14. Có kỹ năng tiếp cận và khai thác các nguồn thông tin, hệ thống các văn bản pháp quy phục vụ cho chuyên môn, nghiệp vụ. Hiểu và ứng dụng các kiến thức về cách mạng công nghiệp 4.0 phục vụ cho hoạt động quản lý và kinh doanh.

15. Có kỹ năng làm việc nhóm: Thành lập và khai thác các nhóm làm việc theo yêu cầu, tổ chức và vận hành các hoạt động của nhóm.

16. Có kỹ năng giao tiếp ứng xử, truyền đạt, lập luận, thuyết trình và phản biện.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

17. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

18. Tự định hướng đưa ra các kết luận chuyên môn và có khả năng bảo vệ được quan điểm cá nhân

19. Có năng lực chủ động trong lập kế hoạch, triển khai, đánh giá và cải thiện hiệu quả hoạt động, có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có tư duy đổi mới sáng tạo

2.4. Phẩm chất đạo đức

20. Ứng xử có văn hoá, nhiệt tình, tự chủ, chính trực, phản biện; Có kỹ năng và phong cách làm việc đúng pháp luật; Chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của tổ chức, thái độ tích cực trong công việc, có tinh thần hợp tác tốt với các đồng nghiệp.

3. Định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp ngành Kinh tế, sinh viên có thể làm việc ở một trong những vị trí sau:

□ Chuyên viên tại các cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, nông nghiệp và phát triển nông thôn ở các cấp độ từ trung ương đến địa phương; chuyên viên hỗ trợ, tư vấn chính sách; chuyên viên dự án, tổ chức phi chính phủ thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; tư vấn tại các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh có liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường; nghiên cứu viên tại các viện và trung tâm nghiên cứu

□ Chuyên viên hoạch định tài chính, lập kế hoạch, tư vấn chính sách tại cơ quan quản lý kinh tế về Nhà nước, các viện nghiên cứu kinh tế, các tổ chức kinh tế và phi chính phủ về phát triển (các bộ phận nghiên cứu triển khai các dự án phát triển); Chuyên viên các phòng kinh doanh, phòng kế hoạch, phòng marketing, phòng đấu thầu của các doanh nghiệp; Chuyên viên các bộ phận phát triển sản phẩm, phân tích rủi ro tài chính, thẩm định dự án tại các ngân hàng; Tự thành lập kế hoạch khởi nghiệp, mở rộng và phát triển công ty của riêng mình.

□ Chuyên viên hỗ trợ hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách trong lĩnh vực thương mại quốc tế, tài chính quốc tế và đầu tư trực tiếp, gián tiếp nước ngoài tại các cơ quan quản lý nhà nước, các văn phòng quản lý đầu tư nước ngoài; Chuyên viên phân tích và tư vấn các dự án quốc tế tại các tổ chức quốc tế hoặc các tổ chức phi chính phủ; Chuyên viên hoạch định tài chính quốc tế, chuyên viên xúc tiến thương mại, nghiên cứu thị trường, xuất nhập khẩu, tư vấn đầu tư quốc tế tại các công ty kinh doanh xuất nhập khẩu, công ty vận tải và giao nhận quốc tế, công ty logistics, công ty tài chính; Chuyên viên thanh toán quốc tế tại các ngân hàng và các công ty đa quốc gia.

- Chuyên viên về hoạt động đầu tư tại bộ phận kế hoạch, dự án trong các doanh nghiệp, tổ chức tài chính, ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty cho thuê tài chính, cơ quan quản lý nhà nước bao gồm: Lập, thẩm định, quản lý dự án đầu tư, giám sát hoạt động dự án đầu tư, xúc tiến và hỗ trợ đầu tư, tư vấn chính sách đầu tư, hoạt động đấu thầu, tín dụng, môi giới chứng khoán; Hoạt động khởi nghiệp. Chuyên viên hỗ trợ hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách trong lĩnh vực đầu tư trực tiếp, gián tiếp nước ngoài.
- Nghiên cứu viên và giảng viên trong ngành kinh tế tại các trường Đại học, các Viện nghiên cứu, Học viên.

4. Định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên tốt nghiệp ngành kinh tế, các chuyên ngành Kinh tế Phát Triển, Kinh tế Quốc tế, Kinh tế Đầu tư, Kinh tế Tài nguyên Thiên nhiên có đủ năng lực để tiếp tục học tập suốt đời, học ở các bậc học cao hơn ở trình độ thạc sỹ, tiến sỹ và tự học để đáp ứng sự phát triển của nghề nghiệp trong tương lai.

5. Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc tế đã tham khảo

- Chương trình đào tạo ngành Kinh tế được đối sánh với Chương trình đào tạo của 03 trường Đại học trong nước là Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Ngoại thương, Trường Đại học Kinh tế - ĐHQG HN và 02 trường đại học nước ngoài, bao gồm Đại học Essex (Anh) và Đại học British Columbia (Canada).
- Ngoài ra ngành Kinh tế có 04 chuyên ngành đào tạo, nên chương trình đào tạo các chuyên ngành cũng được tham khảo với các chương trình đào tạo khác tương ứng với từng chuyên ngành. Cụ thể:
 - o Chương trình đào tạo ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế Tài nguyên Thiên nhiên được tham khảo Chương trình đào tạo ngành Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên ở các trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Trường Đại học Colorado.
 - o Chương trình đào tạo ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế Quốc tế được tham khảo Chương trình đào tạo ngành Kinh tế Quốc tế của 02 trường Đại học trong nước là Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Kinh tế (Đại học Quốc gia Hà Nội) và 01 trường Đại học nước ngoài Đại học Nottingham (Anh)

o Chương trình đào tạo ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế Phát triển được tham khảo Chương trình đào tạo ngành Kinh tế Phát triển của 02 trường Đại học trong nước là Trường Đại học Kinh tế (Đại học Quốc gia Hà Nội) và Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Bên cạnh đó, 01 trường Đại học ngoài nước được lựa chọn đối sánh là Đại học Breiut.

o Chương trình đào tạo ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế Đầu tư được tham khảo Chương trình đào tạo ngành Kinh tế Đầu tư ở 03 trường Đại học trong nước là Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Chính sách Phát triển, và Học viện Ngân hàng.

6. Khối lượng kiến thức toàn khoá và thời gian đào tạo

- Khối lượng kiến thức toàn khóa là 130 tín chỉ, không kể các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng được cấp chứng chỉ riêng
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Hình thức đào tạo: Tập trung

Bảng 1: Cấu trúc chương trình đào tạo

(Không kể các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng cấp chứng chỉ riêng)

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	<i>Kiến thức giáo dục đại cương</i>	30	
1.1	Lý luận chính trị	13	0
1.2	Kỹ năng	3	0
1.3	Khoa học tự nhiên và tin học	8	0
1.4	Ngoại ngữ	6	0
2	<i>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</i>	84	16
2.1	Kiến thức cơ sở khối ngành	21	0
2.2	Kiến thức cơ sở ngành	14	5
2.3	Kiến thức ngành	18	8

2.4	Kiến thức chuyên ngành	21	3
2.5	Thực tập và Học phần tốt nghiệp	10	0
Tổng:		114	16
		130	

7. Đối sánh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo

7.1. Lựa chọn các Trường Đại học để đối sánh

Ba chương trình đào tạo của các trường đại học trong nước được lựa chọn để đối sánh với chương trình đào tạo ngành Kinh tế trường Đại học Thủy lợi là Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Trường Đại học Ngoại thương, Trường Đại học Kinh tế - ĐHQG HN. Bên cạnh đó 02 CTĐT của trường ĐH nước ngoài được lựa chọn để đối sánh là Đại học Essex (Anh), Đại học British Columbia (Canada).

7.2. Bảng đối sánh về chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Các yêu cầu	Trường ĐH Kinh tế- ĐH Quốc gia Hà Nội	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Đại học British Columbia (Canada)	Đại học Essex (Anh)	Trường ĐHTL
Mục tiêu chung	Đào tạo cử nhân ngành Kinh tế có những kiến thức cơ bản và hệ thống về kinh tế học và những kiến thức chuyên sâu; có phương pháp tư duy khoa học; có khả năng	Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đảm nhận được các vị trí chuyên gia, nhà quản lý trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, đặc biệt là kinh tế, kinh doanh quốc tế tại các doanh nghiệp hoạt động trên phạm vi quốc tế, các tổ	Đào tạo cử nhân Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, quản lý và quản trị kinh doanh; có các kiến thức chuyên sâu về kinh tế và			Chương trình đào tạo Cử nhân Kinh tế nhằm đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt; có đủ kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, pháp luật; có năng lực chuyên môn vững đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, hội nhập quốc tế và

Các yêu cầu	Trường ĐH Kinh tế- ĐH Quốc gia Hà Nội	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Đại học British Columbia (Canada)	Đại học Essex (Anh)	Trường ĐHTL
	<p>truyền đạt và vận dụng kiến thức được trang bị để tham gia nghiên cứu, giải quyết các vấn đề kinh tế.</p>	<p>chức quốc tế, các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan nghiên cứu. Chương trình có 2 trụ cột xuyên suốt quá trình học giúp sinh viên nâng cao năng lực phân tích với chuỗi học phần e-CAR (enhancing CApacity in Research) và tăng cường gắn kết thực tiễn với chuỗi học phần e-PLANE (enhancing Public sector, Academia & iNdustry Engagement). Các học phần e-CAR I – IV trang bị nền tảng căn bản về phương pháp luận nghiên cứu, phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu kinh tế, kinh</p>	<p>quản lý nguồn nhân lực, cập nhật với tình hình kinh tế xã hội trong nước và quốc tế, đồng bộ và đa ngành, có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng và khả năng làm việc độc lập; có các kỹ năng và công cụ phân tích kinh tế chuyên sâu, hiện đại và có đủ năng lực nghiên cứu, hoạch định, thực thi các chính sách kinh tế và quyết định kinh doanh ở nhiều cấp độ khác nhau; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.</p>			<p>cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, có khả năng tự học, tự nghiên cứu lên trình độ cao hơn, có kỹ năng, có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm nghề nghiệp, đảm nhận được các vị trí việc làm khác nhau thuộc lĩnh vực kinh tế.</p>

Các yêu cầu	Trường ĐH Kinh tế-ĐH Quốc gia Hà Nội	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Đại học British Columbia (Canada)	Đại học Essex (Anh)	Trường ĐHTL
		doanh với các công cụ hiện đại. Các học phần e-PLANE I – IV giúp sinh viên trải nghiệm quan sát, làm việc nhóm và làm việc cá nhân tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp với mức độ gắn kết thực tiễn tăng dần.				
Mục tiêu cụ thể	Chương trình được thiết kế nhằm mục tiêu đào tạo cử nhân kinh tế có những kiến thức cơ bản, hiện đại và hệ thống về kinh tế học, có những kiến thức chuyên sâu và theo sát thực tiễn về kinh tế	PO1: Có năng lực nền tảng để trở thành chuyên gia, nhà quản lý tại các vị trí công việc liên quan đến kinh tế, kinh doanh đặc biệt là kinh tế, kinh doanh quốc tế; PO2: Có kiến thức nền tảng về kinh tế kinh doanh và kiến thức chuyên môn về các lĩnh vực khác	Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, các nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học tự nhiên, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, an ninh quốc phòng và giáo dục thể chất. Có kiến thức chuyên sâu về nguồn nhân lực, kinh tế nguồn nhân lực, có thể vận dụng các học thuyết kinh tế			Mục tiêu 1 (MT1): Người học được trang bị và nắm vững các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học kinh tế xã hội, kinh tế học, có phương pháp tư duy kinh tế và khả năng giải quyết một số vấn đề kinh tế. Mục tiêu 2 (MT2): Người học được trang bị, nắm vững và biết khả năng phân tích

Các yêu cầu	Trường ĐH Kinh tế- ĐH Quốc gia Hà Nội	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Đại học British Columbia (Canada)	Đại học Essex (Anh)	Trường ĐHTL
	<p>chính trị thế giới, kinh tế truyền thông, kinh tế y tế và quản lý trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, quản lý kinh tế; có phương pháp tư duy khoa học; có khả năng nhận diện, truyền đạt, phân tích và vận dụng kiến thức được trang bị để tham gia nghiên cứu, giải quyết các vấn đề kinh tế; có thể tiếp tục học tập ở bậc cao hơn và tích lũy kiến thức từ hoạt động thực tiễn để trở</p>	<p>nhau của kinh tế, kinh doanh quốc tế; đặc biệt các kiến thức chuyên môn sâu về một trong các lĩnh vực của kinh tế, kinh doanh quốc tế;</p> <p>PO3: Có sức khỏe tốt, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có bản lĩnh vượt qua các khó khăn, thử thách, có tư duy đổi mới sáng tạo, có năng lực tự định hướng và có trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể cũng như ý thức phục vụ cộng đồng;</p> <p>PO4: Sử dụng thành thạo tin học văn phòng và một trong các ngoại ngữ</p>	<p>để lý giải, phân tích, đánh giá và dự đoán các vấn đề liên quan đến nguồn nhân lực và thị trường lao động đang ở góc độ vi mô và vĩ mô.</p> <p>Có khả năng thực hành ốt kỹ năng nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu, phản biện, phê phán, lập luận, phân tích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực liên quan đến kinh tế nguồn nhân lực và thị trường lao động, bao gồm an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, quan hệ lao động và an sinh xã hội.</p> <p>Có kỹ năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm, có khả năng truyền đạt vấn đề và</p>			<p>đánh giá, áp dụng các kiến thức chuyên sâu về kinh tế, kiến thức chuyên ngành vào công việc thực tế, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.</p> <p>Mục tiêu 3 (MT3): Người học sau khi ra trường có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, kỹ năng công nghệ thông tin, nắm vững các công cụ phân tích định tính và định lượng, kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng phân tích và phản biện, đáp ứng yêu cầu công việc chuyên môn, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.</p> <p>Mục tiêu 4</p>

Các yêu cầu	Trường ĐH Kinh tế- ĐH Quốc gia Hà Nội	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Đại học British Columbia (Canada)	Đại học Essex (Anh)	Trường ĐHTL
	<p>thành các chuyên gia tư vấn, thực thi chính sách kinh tế, các nghiên cứu viên, giảng viên kinh tế, các nhà khởi nghiệp trong các lĩnh vực kinh tế kinh doanh và quản lý.</p>	<p>tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Trung, tiếng Nga trong các hoạt động nghề nghiệp;</p> <p>PO5: Có năng lực phát hiện, phân tích, tổng hợp, phản biện và giải quyết các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh; sử dụng mô hình kinh doanh gắn với môi trường quốc tế; có khả năng tự học suốt đời; có khả năng học tiếp các chương trình đào tạo thạc sỹ hoặc tiến sỹ trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh</p>	<p>giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; có thể chuyển tải, phổ biến kiến thức,</p> <p>kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống.</p> <p>Có tác phong chuyên nghiệp, tuân thủ kỷ luật lao động, trách nhiệm và tin cậy trong công việc.</p> <p>Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. Có năng lực lập kế hoạch, điều</p>			<p>(MT4): Người học có thái độ phẩm chất chính trị, ý thức công dân tốt, có năng lực tự chủ, có khả năng tự học và tiếp tục học tập ở bậc cao hơn để nâng cao kiến thức, sáng tạo trong công việc chuyên môn.</p> <p>Mục tiêu 5 (MT5): Sau khi tốt nghiệp người học có đủ năng lực làm việc, đảm nhận được các vị trí việc làm khác nhau trong lĩnh vực kinh tế.</p>

Các yêu cầu	Trường ĐH Kinh tế- ĐH Quốc gia Hà Nội	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Đại học British Columbia (Canada)	Đại học Essex (Anh)	Trường ĐHTL
			phối, quản lý các nguồn lực tài chính, nhân lực và thông tin, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động của bản thân và tổ chức.			
Yêu cầu về kiến thức cơ bản, đại cương, cơ sở ngành (chung)	<p>PLO1. Vận dụng kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực kinh tế</p> <p>PLO1.1 (I): Hiểu các kiến thức chung về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để nhận diện các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kinh tế</p> <p>PLO1.2 (R): Vận dụng các kiến thức</p>	<p>PLO1: Vận dụng được các kiến thức nền tảng về khoa học chính trị, khoa học xã hội, phương pháp luận, thể giới quan khoa học, công nghệ thông tin và các kiến thức giáo dục đại cương khác để học tập, nghiên cứu và làm việc suốt đời;</p> <p>PLO2: Vận dụng được các công cụ thống kê, các mô hình kinh tế và các phương pháp phân tích</p>	<p>PLO1.1: Vận dụng được thể giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin và của Đảng Cộng sản Việt Nam vào học tập, nghiên cứu, vào đời sống thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.</p> <p>PLO1.2: Vận dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh vào giải quyết các vấn</p>	Tập trung vào hiểu biết cơ bản về thương mại quốc tế, tài chính và phát triển, kinh tế môi trường, khoa học dữ liệu và kinh tế nói chung	Nắm vững được những kiến thức chung về kinh tế. Phát triển kiến thức của bạn về khung lý thuyết về thương mại và tiền tệ quốc tế	<p>1. Hiểu được những kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, khoa học xã hội, pháp luật của Nhà nước, hiểu biết về an ninh quốc phòng, công nghệ thông tin và các kiến thức giáo dục đại cương khác.</p> <p>2. Vận dụng được các kiến thức kinh tế cơ sở khối ngành, cơ sở ngành khi xem xét, giải quyết các vấn đề kinh tế, kinh doanh và quản lý trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc cách</p>

Các yêu cầu	Trường ĐH Kinh tế- ĐH Quốc gia Hà Nội	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Đại học British Columbia (Canada)	Đại học Essex (Anh)	Trường ĐHTL
	<p>cơ bản về khoa học tự nhiên và công nghệ thông tin để phân tích các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế</p> <p>PLO2: Vận dụng kiến thức khối ngành và nhóm ngành trong lĩnh vực kinh tế</p> <p>PLO2.1 (I): Hiểu kiến thức về kinh tế học để giải thích các vấn đề kinh tế</p> <p>PLO2.2 (R): Vận dụng kiến thức về toán và thống kê kinh tế để thu thập</p>	<p>định tính, định lượng vào đánh giá các vấn đề kinh tế, kinh doanh và quản lý của tổ chức, doanh nghiệp làm cơ sở khoa học đề xuất các giải pháp hoàn thiện;</p> <p>PLO3: Áp dụng các kiến thức kinh tế và kinh doanh vào việc ra quyết định của các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trên phạm vi quốc tế;</p> <p>PLO4: Phân tích các vấn đề kinh tế, kinh doanh chuyên sâu của các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trên phạm vi quốc tế;</p>	<p>đề kinh tế-xã hội ở các mô, ngành và doanh nghiệp.</p> <p>PLO1.3: Vận dụng được các kiến thức về CNTT, các kiến thức về phân tích định lượng vào thực tế, gắn kết với chuyên đổi ở các cấp độ khác nhau.</p>			<p>mạng công nghiệp 4.0</p> <p>3. Áp dụng được các phương pháp và công cụ phân tích kinh tế để đánh giá, giải quyết các vấn đề kinh tế phát sinh trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp.</p>

Các yêu cầu	Trường ĐH Kinh tế- ĐH Quốc gia Hà Nội	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Đại học British Columbia (Canada)	Đại học Essex (Anh)	Trường ĐHTL
	<p>thông tin và phân tích các hoạt động kinh tế</p> <p>PLO2.3 (R,M): Vận dụng kiến thức chuyên sâu về kinh tế để giải quyết các vấn đề kinh tế</p> <p>vi mô và vĩ mô</p>					
Yêu cầu về kiến thức chuyên sâu (chuyên ngành)	<p>PLO3: Vận dụng kiến thức ngành để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế</p> <p>PLO3.1 (I): Hiểu kiến thức kinh tế để giải thích các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến chính</p>	<p>Phân tích được các vấn đề kinh tế quốc tế như: thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế, hội nhập kinh tế quốc tế, pháp luật quốc tế có liên quan</p> <p>Vận dụng được các phương pháp thu thập số liệu và phân tích định tính,</p>	<p>PLO1.4: Vận dụng được kiến thức về toán kinh tế, hoạch toán kế toán, thống kê, marketing, quản trị nhân lực trong phân tích các hoạt động kinh doanh và các tổ chức.</p> <p>PLO1.5: Hiểu một hệ thống đồng bộ các lý thuyết, mô hình kinh tế, vận dụng và</p>	Nắm vững và vận dụng tốt về hoạt động của nền kinh tế toàn cầu và được đào tạo kỹ thuật quan trọng cũng như các kỹ năng thực tế sẽ cho phép họ tham gia vào sự nghiệp	Bao quát cả các khía cạnh lý thuyết và ứng dụng của kinh tế quốc tế ở cấp độ nâng cao	4.Chuẩn kiến thức chuyên ngành Tài nguyên thiên nhiên: Vận dụng được các kiến thức về các kinh tế tài nguyên thiên nhiên và môi trường nhằm khai thác, sử dụng tối ưu các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường phục vụ phát triển các ngành kinh tế - xã hội. Có

Các yêu cầu	Trường ĐH Kinh tế- ĐH Quốc gia Hà Nội	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Đại học British Columbia (Canada)	Đại học Essex (Anh)	Trường ĐHTL
	<p>phủ, chính sách công, kinh tế chính trị quốc tế, cũng như các trụ cột của phát triển bền vững, bao gồm các vấn đề về phát triển kinh tế, môi trường và xã hội</p> <p>PLO3.2 (R): Vận dụng kiến thức về kinh tế và các kiến thức hỗ trợ để phân tích các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kinh tế, chính sách, quản lý kinh tế, chiến lược phát triển kinh tế xã hội nói chung.</p> <p>PLO3.3</p>	<p>phân tích định lượng trong phân tích, đánh giá, xử lý các vấn đề kinh tế quốc tế và các lĩnh vực liên quan khác</p> <p>Áp dụng thành thạo các phương pháp phân tích kinh tế để giải quyết các tình huống, các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kinh tế quốc tế phát sinh trong thực tế hoạt động của các bộ, ban ngành, tổ chức, doanh nghiệp;</p>	<p>thực hiện được các phân tích từ cơ bản cho đến chuyên sâu về các vấn đề kinh tế và quản lý nguồn nhân lực ở góc ờ cấp độ vi mô đến vĩ mô.</p> <p>PLO1.5: Phân tích được các ảnh hưởng của bối cảnh kinh tế, xã hội, dân số và lao động, môi trường, đầu tư, kinh tế quốc tế và hành vi của các tác nhân trong nền kinh tế đến các vấn đề kinh tế và quản lý nguồn nhân lực ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô.</p> <p>PLO1.7: Khả năng vận dụng các lý thuyết, mô hình kinh tế được trang bị vào việc xây dựng khung phân tích, giải thích các vấn đề thực tiễn liên</p>	<p>trong kinh doanh, chính phủ và học viện</p>		<p>kiến thức về phân tích chi phí- lợi ích trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường nhằm đánh giá tác động kinh tế và môi trường của các dự án. Có kiến thức phân tích đánh giá và xây dựng chính sách phục vụ quản lý tài nguyên và môi trường.</p> <p>5. Vận dụng được các kiến thức về hoạch định chiến lược, chính sách, các kế hoạch phát triển của vùng, ngành, tổ chức và doanh nghiệp; Có khả năng phân tích, dự báo các biến số kinh tế, phân tích đánh giá hiệu quả các chương trình dự án, các vấn đề kinh tế xã hội như tăng trưởng kinh tế,</p>

Các yêu cầu	Trường ĐH Kinh tế- ĐH Quốc gia Hà Nội	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Đại học British Columbia (Canada)	Đại học Essex (Anh)	Trường ĐHTL
	<p>(R,M): Vận dụng kiến thức thực tập thực tế để hội nhập nhanh và làm việc có hiệu quả trong môi trường đa văn hóa.</p> <p>PLO4: Vận dụng kiến thức chuyên ngành để quản lý, điều hành, xây dựng, thực hiện các dự án trong lĩnh vực kinh tế chính trị thế giới, kinh tế truyền thông, quản lý kinh tế và kinh tế y tế và quản lý trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe</p> <p>PLO4.1</p>		<p>quan đến nguồn nhân lực, các chính sách, phân tích, đánh giá các quyết định của Chính phủ, các doanh nghiệp và các tác nhân kinh tế khác trong nước và quốc tế có liên quan đến kinh tế và quản lý nguồn nhân lực.</p>			<p>xoá đói giảm nghèo, đánh giá hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp; Có kiến thức và khả năng quản lý các nguồn lực cho phát triển; Có khả năng vận dụng các mô hình kinh tế để tư vấn chính sách phát triển cho các ngành, cho các tổ chức quản lý ngành, nền kinh tế và các chính quyền địa phương</p> <p>6. Chuẩn kiến thức chuyên ngành Kinh tế Quốc tế: Vận dụng được các kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế, thương mại quốc tế, đầu tư và tài chính quốc tế; Có khả năng vận dụng tốt các kiến thức về thị trường thế giới, về các</p>

Các yêu cầu	Trường ĐH Kinh tế- ĐH Quốc gia Hà Nội	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Đại học British Columbia (Canada)	Đại học Essex (Anh)	Trường ĐHTL
	<p>(R,M): Chuyên ngành Kinh tế chính trị thế giới: Vận dụng kiến thức chuyên sâu về kinh tế chính trị, bao gồm cả các vấn đề liên quan đến địa kinh tế chính trị ở cấp độ toàn cầu, khu vực và tại một số quốc gia có vai trò quan trọng trên thế giới như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, ASEAN để tổ phân tích tình hình kinh tế chính trị trên thế giới.</p> <p>PLO4.2</p>					<p>chiến lược kinh doanh và đối tác thương mại quốc tế, các nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu và các hoạt động diễn ra trong chuỗi cung ứng toàn cầu cũng như các kiến thức về tín dụng và thanh toán quốc tế, logistics. Nắm vững các kiến thức cơ bản về luật, quy định, thỏa ước quốc tế và kỹ năng đàm phán trong môi trường quốc tế</p> <p>7. Chuẩn kiến thức chuyên ngành Kinh tế Đầu tư: Vận dụng được các kiến thức về lập và thẩm định các dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư, thị trường vốn, đầu tư tài chính, các phương thức đầu thầu trong</p>

Các yêu cầu	Trường ĐH Kinh tế- ĐH Quốc gia Hà Nội	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Đại học British Columbia (Canada)	Đại học Essex (Anh)	Trường ĐHTL
	<p>(R,M): Chuyên ngành Kinh tế truyền thông: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu kinh tế học truyền thông, công nghiệp sáng tạo, truyền thông quốc tế, quản lý truyền thông và khủng hoảng truyền thông để phân tích thị trường truyền thông cũng như các vấn đề liên ngành đương đại gắn với kinh tế truyền thông và quản lý.</p>					<p>nước và quốc tế; Có kiến thức và khả năng ứng dụng vào việc nghiên cứu khả thi, tổ chức đầu thầu và quản trị vận hành lý các dự án đầu tư tư nhân và đầu tư công; Hiểu và có khả năng vận dụng các công cụ và phương pháp tiên tiến trong tổ chức, quản lý hoạt động đầu tư, ra quyết định đầu tư, quản lý rủi ro hoạt động đầu tư đáp ứng yêu cầu thực tiễn và được trang bị các kiến thức để đưa ra quyết định đầu tư.</p>

Các yêu cầu	Trường ĐH Kinh tế- ĐH Quốc gia Hà Nội	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Đại học British Columbia (Canada)	Đại học Essex (Anh)	Trường ĐHTL
	<p>PLO4.3 (R,M): Chuyên ngành ngành Kinh tế y tế và quản lý trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe: Vận dụng kiến thức chuyên sâu về kinh tế học sức khỏe, y tế để phân tích thị trường chăm sóc sức khỏe cũng như các vấn đề liên ngành đương đại gắn với kinh tế y tế và quản lý.</p> <p>PLO4.4 (R,M): Chuyên ngành Quản lý kinh tế: Vận dụng kiến thức chuyên sâu về</p>					

Các yêu cầu	Trường ĐH Kinh tế- ĐH Quốc gia Hà Nội	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Đại học British Columbia (Canada)	Đại học Essex (Anh)	Trường ĐHTL
	quản lý nhà nước về kinh tế để phân tích các vấn đề và chính sách kinh tế xã hội, hoạch định phát triển, quản lý và phát triển cộng đồng cũng như quản trị đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp					
Yêu cầu về kỹ năng	<p>PLO5: Kỹ năng cá nhân và giao tiếp:</p> <p>PLO5.1 (R): Có khả năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân và cho người khác.</p> <p>PLO5.2 (R,M): Có tư duy phản biện,</p>	<p>PLO5: Làm chủ kỹ năng giao tiếp, truyền tải thông tin về công việc;</p> <p>PLO6: Đánh giá chất lượng công việc khi làm việc độc lập và làm việc nhóm;</p> <p>PLO7: Hình thành kỹ năng phát hiện, phân tích, tổng hợp, phản biện và</p>	<p>PLO2.1.Kết hợp (mức 4) các kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản: sử dụng máy tính; xử lý văn bản; sử dụng bảng tính; sử dụng trình chiếu; sử dụng internet,.. để học tập, nghiên cứu và ứng dụng thực tế (chi tiết theo Quyết định 785/QĐ-ĐHKTQD</p>			<p>8.Có phương pháp tư duy kinh tế, vận dụng các quan điểm khác nhau vào phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế.</p> <p>9. Có khả năng xử lý tình huống, giải quyết vấn đề chuyên môn và nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực kinh tế</p> <p>10. Có kỹ năng nhận</p>

Các yêu cầu	Trường ĐH Kinh tế- ĐH Quốc gia Hà Nội	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Đại học British Columbia (Canada)	Đại học Essex (Anh)	Trường ĐHTL
	<p>phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong môi trường đa văn hóa.</p> <p>PLO6: Kỹ năng lãnh đạo, quản lý và làm việc nhóm:</p> <p>PLO6.1 (I): Quản lý thời gian và nguồn lực để tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực kinh tế.</p> <p>PLO6.2 (R): Hợp tác làm việc và phối hợp công việc trong các nhóm khác nhau</p> <p>PLO6.3</p>	<p>giải quyết các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh gắn với môi trường quốc tế;</p> <p>PLO8: Sử dụng mô hình kinh doanh gắn với môi trường quốc tế;</p> <p>PLO9: Sử dụng thành thạo một trong các ngoại ngữ tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Nga (tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo);</p>	<p>ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng).</p> <p>PLO2.2. Thành thạo (mức 4) tiếng Anh cơ bản để học tập, nghiên cứu và sử dụng trong thực tế (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng).</p> <p>PLO2.3. Sử dụng thành thạo các công cụ chuyên sâu của kinh tế lượng trong phân tích kinh tế, sử dụng thành thạo các phần mềm SPSS, Stata,... hỗ trợ cho công việc phân tích kinh tế và quản lý nguồn nhân lực.</p> <p>PLO2.4. Thành thạo kỹ năng tiến hành</p>			<p>diện, đánh giá, phản biện, có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm soát và tương tác để giải quyết các vấn đề kinh tế</p> <p>11. Có kỹ năng sử dụng các phương pháp phân tích định tính, định lượng và đề xuất các giải pháp để giải quyết các vấn đề kinh tế của ngành, tổ chức và doanh nghiệp.</p> <p>Kỹ năng tin học, Ngoại ngữ</p> <p>12. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng phần mềm phân tích thống kê kinh tế, đáp ứng yêu cầu công việc trong lĩnh vực kinh tế</p> <p>13. Có năng lực ngoại ngữ tối thiểu tương</p>

Các yêu cầu	Trường ĐH Kinh tế- ĐH Quốc gia Hà Nội	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Đại học British Columbia (Canada)	Đại học Essex (Anh)	Trường ĐHTL
	(R,M): Chuyên tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng và giải pháp trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể trong lĩnh vực kinh tế.	PLO10: Sử dụng thành thạo kỹ năng tin học văn phòng nâng cao (theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông)	<p>nghiên cứu độc lập và theo nhóm, kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát các vấn đề kinh tế-xã hội, chính sách liên quan đến nguồn nhân lực cả ở góc độ vi mô và cấp độ vĩ mô tổng thể của nền kinh tế để giải quyết các vấn đề kinh tế</p> <p>PLO2.5.Làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng ưu duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.</p>			<p>đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam để đáp ứng yêu cầu chuyên môn.</p> <p>Kỹ năng mềm 14. Có kỹ năng tiếp cận và khai thác các nguồn thông tin, hệ thống các văn bản pháp quy phục vụ cho chuyên môn, nghiệp vụ. Hiểu và ứng dụng các kiến thức về cách mạng công nghiệp 4.0 phục vụ cho hoạt động quản lý và kinh doanh.</p> <p>15. Có kỹ năng làm việc nhóm: Thành lập và khai thác các nhóm làm việc theo yêu cầu, tổ chức và vận hành các hoạt động của nhóm.</p> <p>16. Có kỹ năng giao tiếp</p>

Các yêu cầu	Trường ĐH Kinh tế- ĐH Quốc gia Hà Nội	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Đại học British Columbia (Canada)	Đại học Essex (Anh)	Trường ĐHTL
						ứng xử, truyền đạt, lập luận, thuyết trình và phản biện.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	<p>PLO7. Làm việc độc lập, tự định hướng để thích nghi trong môi trường đa văn hóa. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.</p> <p>PLO8. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động. Đồng thời, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện những nhiệm vụ</p>	<p>PLO11: Có năng lực chủ động lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;</p> <p>PLO12: Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi của bối cảnh toàn cầu, có năng lực dẫn dắt, chủ động hướng dẫn, giám sát công việc của các thành viên trong nhóm</p>	<p>PLO3.1.Thể hiện được sự tự lực khi làm việc độc lập, thể hiện trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc. Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn (mức 5).</p> <p>PLO3.2.Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động. Có năng lực dẫn dắt và ảnh hưởng về chuyên môn trong các lĩnh vực chuyên sâu; có sáng kiến trong</p>			<p>17. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.</p> <p>18. Tự định hướng đưa ra các kết luận chuyên môn và có khả năng bảo vệ được quan điểm cá nhân</p> <p>19. Có năng lực chủ động trong lập kế hoạch, triển khai, đánh giá và cải thiện hiệu quả hoạt động, có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức kinh</p>

Các yêu cầu	Trường ĐH Kinh tế- ĐH Quốc gia Hà Nội	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Đại học British Columbia (Canada)	Đại học Essex (Anh)	Trường ĐHTL
	<p>đã được xác định trong lĩnh vực kinh tế.</p>	<p>để thực hiện nhiệm vụ xác định;</p> <p>PLO13: Có tư duy đổi mới sáng tạo và năng lực tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có khả năng bảo vệ được quan điểm cá nhân trước tập thể;</p> <p>PLO14: Có bản lĩnh vượt qua các khó khăn, thử thách và có trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể cũng như ý thức phục vụ cộng đồng.</p>	<p>thực hiện các công việc được giao. Có khả năng tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau (mức 5).</p> <p>PLO3.3. Thể hiện quan điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân dựa trên cách tiếp cận khách quan, khoa học. Có khả năng đưa ra các kết luận về các vấn đề trong lĩnh vực chuyên sâu của mình (mức 5).</p> <p>PLO3.4. Xác định thực hiện trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong việc đưa ra những nhận định, đánh giá về các vấn đề chuyên môn. Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp;</p>			<p>nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có tư duy đổi mới sáng tạo.</p>

Các yêu cầu	Trường ĐH Kinh tế- ĐH Quốc gia Hà Nội	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Đại học British Columbia (Canada)	Đại học Essex (Anh)	Trường ĐHTL
			tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật (mức 4).			
Yêu cầu về phẩm chất đạo đức						20. Ứng xử có văn hoá, nhiệt tình, tự chủ, chính trực, phản biện; Có kỹ năng và phong cách làm việc đúng pháp luật; Chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của tổ chức, thái độ tích cực trong công việc, có tinh thần hợp tác tốt với các đồng nghiệp.

Phân tích kết quả đối sánh:

- Về mục tiêu: Các ngành kinh tế các trường đều có mục tiêu là đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức cơ bản về kinh tế và những kiến thức chuyên sâu đối với chuyên ngành đào tạo. Các mục tiêu chi tiết hơn về năng lực tự chủ được diễn giải ở mục tiêu cụ thể. Tuy nhiên, mục tiêu liên quan đến phẩm chất đạo đức thì trường Đại học kinh tế- Đại học Quốc gia Hà Nội chưa cụ thể rõ như mục tiêu của trường Đại học Thủy Lợi như người học có phẩm chất chính trị, ý thức công dân tốt. Ngoài ra, mục tiêu của trường ĐH Thủy

Lợi và ĐH Kinh tế Quốc dân nhấn mạnh về khả năng tự học, tự nghiên cứu lên trình độ cao hơn, có kỹ năng, có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm nghề nghiệp, đảm nhận được các vị trí việc làm khác nhau thuộc lĩnh vực kinh tế. Đây chính là một mục tiêu quan trọng nhằm đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng cuộc CMCN 4.0, hội nhập kinh tế quốc tế.

- Về yêu cầu kiến thức: Các ngành kinh tế của các trường, đặc biệt là các trường trong nước về kiến thức chung, cơ bản đều tương đối giống nhau. Các kiến thức cơ bản đều hướng đến nhằm hiểu và nắm vững được lý thuyết giáo dục đại cương, lý thuyết chung về kinh tế. Bên cạnh đó, mỗi chuyên ngành trong ngành kinh tế của các trường cũng có sự cụ thể hoá và đo lường cụ thể về chuẩn kiến thức.

- Về yêu cầu kỹ năng:

+ Yêu cầu về kỹ năng cứng ở các trường hiện tại chi tiết và cụ thể hóa với khả năng tư duy kinh tế, phân tích đánh giá, có kỹ năng sử dụng các phương pháp phân tích định tính, định lượng và đề xuất các giải pháp để giải quyết các vấn đề kinh tế của ngành, tổ chức và doanh nghiệp, sinh viên được trang bị đầy đủ các kiến thức chuyên sâu về các chuyên ngành với nhiều học phần có tính thực hành thực tế trải nghiệm cao.

+Tất cả các trường đều áp dụng chuẩn đầu ra Tiếng Anh tương đương Bậc 3 hoặc bậc 4 theo Thông tư 01/2014/TT-BGD&ĐT quy định về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

+ Các trường đều đòi hỏi kỹ năng tin học là phải sử dụng thành thạo phần mềm tin học văn phòng. Tuy nhiên trường Đại học Thủy Lợi bổ sung thêm về sử dụng phần mềm phân tích thống kê kinh tế, đáp ứng yêu cầu công việc trong lĩnh vực kinh tế.

+ Các trường đều hỏi những kỹ năng mềm cơ bản: làm việc nhóm, giao tiếp, phản biện, thuyết trình. Tuy nhiên, đối với Trường Đại học Thủy Lợi bổ sung thêm hiểu và ứng dụng ứng dụng các kiến thức về cách mạng công nghiệp 4.0 phục vụ cho hoạt động quản lý và kinh doanh. Điều này để có thể đuổi kịp được xu thế hiện nay, đáp ứng yêu cầu phát

triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế, chuẩn đầu ra này cũng được đưa ra từ góp ý của các bên liên quan trong các cuộc hội thảo và khảo sát.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Hiện tại trường Đại học Thủy Lợi nhấn mạnh năng lực tự chủ và trách nhiệm để đáp ứng nhu cầu thị trường về tính tự chủ và trách nhiệm của bản thân mỗi người, có tư duy đổi mới sáng tạo và năng lực tự định hướng đưa ra các kết luận chuyên môn và có khả năng bảo vệ được quan điểm cá nhân.

- Về yêu cầu phẩm chất đạo đức (thái độ): Xét riêng về Trường Đại học Thủy Lợi đặt yêu cầu quan trọng về đạo đức và thái độ của sinh viên sau khi ra trường. Ứng xử có văn hoá, nhiệt tình, tự chủ, chính trực, phản biện; Có kỹ năng và phong cách làm việc đúng pháp luật; Chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc, thái độ tích cực trong công việc, có tinh thần hợp tác tốt với các đồng nghiệp.

7.3. Bảng đối sánh cấu trúc chương trình đào tạo

Khối kiến thức	Số tín chỉ					
	Trường ĐH Thủy lợi	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	Trường ĐH Kinh tế - ĐHQG HN	Đại học Essex (Anh) (Quy đổi)	Đại học British Columbia (Canada) (Quy đổi)
Khối kiến thức Toán, tin học, KHXH	8	21	6	10		
Kỹ năng	3			3		
Ngoại ngữ	6	12	9	10		
Kiến thức Lý luận chính trị, luật đại cương	13	11	14	13		
Kiến thức cơ sở khối ngành	21	36	6	14	20	20
Kiến thức cơ sở ngành	19		12	17	20	10

Khối kiến thức	Số tín chỉ					
	Trường ĐH Thủy lợi	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	Trường ĐH Kinh tế - ĐHQG HN	Đại học Essex (Anh) (Quy đổi)	Đại học British Columbia (Canada) (Quy đổi)
Kiến thức ngành	26	27	12	18	40	23
Kiến thức chuyên ngành	27	24	61	39	30	67
Học phần tốt nghiệp	7	9	10	6	10	
Tổng số tín chỉ:	130	140	130	130	120	120

Phân tích kết quả đối sánh:

Các khối kiến thức giáo dục đại cương (bao gồm lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và tin học, ngoại ngữ, và kỹ năng) được thiết kế phù hợp với khung chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và khá tương đồng với các trường đại học trong nước.

Kiến thức cơ sở khối ngành và cơ sở ngành của CTĐT ngành Kinh tế Trường ĐH Thủy lợi có tỷ trọng cao thứ hai, chiếm 26,2% khối lượng kiến thức toàn khóa; tỷ trọng này chỉ xếp sau CTĐT ngành Kinh tế quốc tế của Đại học Ngoại Thương. Tương tự, tỷ trọng kiến thức ngành trong CTĐT ngành Kinh tế của Trường ĐH Thủy lợi cũng chiếm khá thấp so với các trường trong nước để dành thời lượng nhiều hơn cho các học phần chuyên ngành. Chiếm 23,8% khối lượng kiến thức toàn khóa.

Sự khác biệt trong cấu trúc chương trình đào tạo của ngành Kinh tế trường ĐH Thủy lợi so với các CTĐT ngành Kinh tế của các trường ĐH trong nước xuất phát từ mục tiêu đào tạo của ngành Kinh tế là trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng để có đủ năng lực làm việc, đảm nhận được các vị trí việc làm khác nhau trong lĩnh vực kinh tế do vậy khối lượng kiến thức chuyên ngành gần tương đương với khối lượng kiến thức

chuyên ngành của một ngành kinh tế độc lập như trường Đại học Ngoại thương và cao hơn hẳn trường đại học Kinh tế Quốc dân.

Trong khi các chương trình đào tạo trường British Columbia (Canada) và trường Essex (Anh) tập trung nhiều vào các kiến thức hàn lâm, CTĐT ngành Kinh tế của Trường Đại học Thủy Lợi tập trung đào tạo đồng đều các kỹ năng nghề nghiệp phục vụ nhu cầu nghề nghiệp của sinh viên Việt Nam.

7.4. Bảng đối sánh các học phần trong chương trình đào tạo

Học phần	Trường ĐH Thủy lợi	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	Trường ĐH Kinh tế - ĐHQG HN	Đại học Essex (Anh)	Đại học British Columbia (Canada)
Pháp luật đại cương	×	×	×	×		
Triết học Mác - Lênin	×	×	×	×		
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	×	×	×	×		
Chủ nghĩa xã hội khoa học	×	×	×	×		
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	×	×	×	×		
Tư tưởng Hồ Chí Minh	×	×	×	×		
Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	×	×	×	×		
Toán cho các nhà kinh tế	×	×	×	×	×	×
Tin học cơ bản	×	×	×	×		
Xác suất thống kê	×	×	×	×		

Học phần	Trường ĐH Thủy lợi	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	Trường ĐH Kinh tế - ĐHQG HN	Đại học Essex (Anh)	Đại học British Columbia (Canada)
Tiếng Anh 1	×	×	×	×		
Tiếng Anh 2	×	×	×	×		
Giáo dục quốc phòng	×	×	×	×		
Giáo dục thể chất	×	×	×	×		
Nguyên lý kinh tế vi mô	×	×	×	×	×	×
Quản trị học	×		×	×		
Nguyên lý kinh tế vĩ mô	×	×	×	×	×	×
Nguyên lý kế toán	×	×	×	×		×
Tài chính - Tiền tệ	×	×	×		×	×
Nguyên lý thống kê	×		×	×	×	
Pháp luật kinh tế	×		×	×		
Marketing căn bản	×	×	×	×		
Tư duy kinh tế và Định hướng nghề nghiệp	×			×	×	
Kinh tế lượng	×	×	×	×	×	×

Học phần	Trường ĐH Thủy lợi	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	Trường ĐH Kinh tế - ĐHQG HN	Đại học Essex (Anh)	Đại học British Columbia (Canada)
Phân tích chi phí - lợi ích	×			×		×
Tài chính quốc tế	×	×	×	×	×	×
Cách mạng công nghiệp 4.0	×				×	
<i>Quản lý kinh tế</i>	×	×				
<i>Luật kinh doanh quốc tế</i>	×	×				
<i>Tin học ứng dụng trong kinh tế</i>	×			×	×	
Kinh tế quốc tế	×	×	×	×	×	×
Kinh tế phát triển 1	×	×	×	×	×	×
Kinh tế đầu tư 1	×	×	×			×
Nhập môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	×		×	×	×	
Tiếng Anh Kinh tế	×	×	×			
Quản lý và chuyển giao công nghệ	×					
<i>Kinh tế nguồn nhân lực</i>	×	×	×	×		
<i>Kinh tế môi trường</i>	×	×	×	×	×	×

Học phần	Trường ĐH Thủy lợi	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	Trường ĐH Kinh tế - ĐHQG HN	Đại học Essex (Anh)	Đại học British Columbia (Canada)
<i>Quản lý nhà nước về kinh tế</i>	×			×		
<i>Phân tích và dự báo kinh tế</i>	×	×			×	×
<i>Kinh tế xây dựng 1</i>	×					
<i>Chiến lược và chính sách kinh doanh</i>	×	×	×		×	×
<i>Kinh tế du lịch căn bản</i>	×			×		
<i>Kinh tế nông nghiệp</i>	×		×			
<i>Kinh tế phát triển bền vững</i>	×			×		
<i>Kinh tế biến đổi khí hậu</i>	×		×			
<i>Kinh tế sinh thái</i>	×					
<i>Kinh tế tài nguyên thiên nhiên</i>	×		×			
<i>Đề án chuyên ngành kinh tế tài nguyên thiên nhiên</i>	×		×			
<i>Lượng giá giá trị tài nguyên môi trường</i>	×		×			
<i>Kinh tế tài nguyên nước</i>	×		×			

Học phần	Trường ĐH Thủy lợi	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	Trường ĐH Kinh tế - ĐHQG HN	Đại học Essex (Anh)	Đại học British Columbia (Canada)
<i>Kinh tế vùng duyên hải và biển</i>	×	×				
<i>Kinh tế lâm nghiệp</i>	×					
Thực tập chuyên ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	×		×			
Hội nhập và định chế quốc tế	×	×	×		×	×
Các thỏa ước thương mại đa phương	×	×		×	×	
Thị trường thế giới và Kinh doanh thương mại quốc tế	×	×	×	×	×	×
Đề án chuyên ngành kinh tế quốc tế	×		×	×	×	×
Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	×	×	×			
Tín dụng và thanh toán quốc tế	×	×	×	×		
Logistics	×	×	×	×		
<i>Đàm phán quốc tế</i>	×	×	×	×		
<i>Doanh nghiệp đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu</i>	×			×	×	
Thực tập chuyên ngành Kinh tế quốc tế	×	×	×	×		

Học phần	Trường ĐH Thủy lợi	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	Trường ĐH Kinh tế - ĐHQG HN	Đại học Essex (Anh)	Đại học British Columbia (Canada)
Kinh tế cộng đồng	×		×	×	×	
Kinh tế phát triển 2	×		×			
Kinh tế và chính sách phát triển vùng	×		×			
Đề án chuyên ngành kinh tế phát triển	×		×	×	×	×
Kế hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội	×		×	×		
Kinh tế và tài chính công	×		×		×	
Chương trình dự án phát triển kinh tế xã hội	×		×			
<i>Ứng dụng định lượng trong phân tích kinh tế</i>	×			×	×	
<i>Mô hình tăng trưởng và phát triển</i>	×					
Thực tập chuyên ngành Kinh tế phát triển	×			×		
Lập và thẩm định dự án đầu tư	×	×	×			
Kinh tế đầu tư 2	×		×			
Đầu thầu quốc tế	×		×			
Thị trường vốn	×		×			

Học phần	Trường ĐH Thủy lợi	Trường ĐH Ngoại thương	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	Trường ĐH Kinh tế - ĐHQG HN	Đại học Essex (Anh)	Đại học British Columbia (Canada)
Đề án chuyên ngành kinh tế đầu tư	×		×			
Xúc tiến đầu tư	×					
Quản trị rủi ro trong đầu tư	×		×			
Quản lý dự án đầu tư	×	×	×			
<i>Quản trị tài chính kinh doanh</i>	×					
<i>Thẩm định tài chính dự án</i>	×		×			
Thực tập chuyên ngành Kinh tế đầu tư	×					
Khóa luận tốt nghiệp	×	×	×	×	×	

Phân tích kết quả đối sánh:

Kết quả đối sánh cho thấy mức độ tương đồng của CTĐT ngành Kinh tế của Trường Đại học Thủy lợi so với Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN, Trường ĐH Ngoại thương lần lượt là 73%, 56%, và 50%. Trong khi đó, nếu không tính các học phần đặc thù như ngoại ngữ, kiến thức lý luận chính trị, và kỹ năng chung, kết quả đối sánh với các học phần trong CTĐT của Đại học Essex (Anh) và Đại học British Columbia (Canada) cho thấy mức độ tương đồng trong các môn học trong CTĐT ngành Kinh tế trường Đại học Thủy lợi tương ứng đều khoảng 50%.

Các kết quả đối sánh cho thấy các môn học trong CTĐT ngành Kinh tế trường ĐH Thủy lợi có mức độ tương đồng khá cao với các môn học trong CTĐT của các trường ĐH Kinh tế trong nước và quốc tế. Các môn học đảm bảo tính logic, hiện đại, phù hợp

với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra chương trình. Bên cạnh đó, CTĐT ngành Kinh tế có các học phần như “*Tư duy Kinh tế và Định hướng nghề nghiệp*”, “*Phân tích chi phí – lợi ích*”, “*Cách mạng công nghiệp 4.0*”, “*Đấu thầu quốc tế*”, “*Phân tích dự báo và kinh tế*” để tăng cường các kỹ năng về tư duy, phân tích, dự báo, tiếp cận xu hướng cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập kinh tế quốc tế bên cạnh các kỹ năng chuyên môn như tin học, kỹ thuật tính toán, v.v. được trang bị thông qua nhiều học phần.

8. Đối tượng và tiêu chí tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh và hình thức xét tuyển được đăng tải trên website của Trường Đại học Thủy lợi: <http://www.tlu.edu.vn/>

8.1. Đối tượng tuyển sinh:

- Tuyển sinh được thực hiện hàng năm theo chỉ tiêu đào tạo của nhà trường đối với tất cả các đối tượng trong cả nước.

8.2. Tiêu chí tuyển sinh

Tiêu chí tuyển sinh được đăng tải trên website <http://www.tlu.edu.vn/> và phù hợp với thực tế và bao gồm các phương thức tuyển sinh sau:

- Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Xét tuyển dựa vào kết quả học THPT (học bạ)
- Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT
- Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá tư duy

9. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

9.1. Quy trình đào tạo

- Quy trình đào tạo được tổ chức theo học chế tín chỉ: - Đào tạo theo học chế tín chỉ, chương trình bố trí thành 8 học kỳ, mỗi năm có 2 kỳ chính, hai kỳ song song và 1 kỳ hè. Mỗi học kỳ chính có ít nhất 16 tuần thực học và 4 tuần thi, kiểm tra. Học kỳ song song và học kỳ hè giành cho sinh viên học lại các học phần không đạt ở kỳ chính và cho các sinh viên học giỏi có điều kiện học vượt để kết thúc sớm chương trình học tập; mỗi kỳ hè có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi, kiểm tra;

- Những sinh viên có đủ điều kiện theo Quy chế đào tạo Đại học hệ chính quy được phép lựa chọn các môn học vượt nhưng phải đảm bảo tính logic của chương trình và được Khoa chấp nhận.

- Hình thức đào tạo: Đào tạo chính quy được tổ chức đào tạo tập trung liên tục trong toàn khóa học.

- Phương pháp giảng dạy

+ Với mục tiêu lấy người học là trung tâm, áp dụng chiến lược dạy và học hướng tới người học nhằm thúc đẩy ham muốn học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên.

+ Lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng sinh viên. Chẳng hạn, sinh viên năm thứ nhất được tiếp cận các học phần nguyên lý cơ bản và phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết trình giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu được kiến thức mới. Ngược lại, các học phần với khối kiến thức chuyên sâu được đào tạo cho sinh viên năm thứ ba và thứ tư áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích sinh viên thuyết trình, phản biện và bảo vệ ý kiến của mình về một nội dung chuyên sâu thuộc lĩnh vực Kinh tế.

+ Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo đều yêu cầu sinh viên tham gia trả lời các câu hỏi thảo luận và đóng góp ý kiến xây dựng bài, là cơ sở để đánh giá điểm chuyên cần của sinh viên. Một số học phần chuyên ngành đã thiết kế hệ thống bài tập tình huống giúp sinh viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế. Đồng thời, thông qua việc chuẩn bị bài tập nhóm và phối hợp thuyết trình trên lớp, sinh viên phát huy tính chủ động nghiên cứu tài liệu và tích cực thảo luận điểm với các thành viên trong nhóm, từ đó phát triển năng lực tự khám phá tri thức, khả năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình và tư duy phản biện.

Một số phương pháp giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra:

- Thảo luận + làm việc nhóm

- Phương pháp định hướng tự học, tự nghiên cứu

- Nêu vấn đề và phản biện vấn đề giữa giảng viên hướng dẫn và sinh viên.

- Thực hiện quy trình Kế hoạch - Thực hiện - Kiểm tra - Hành động phản hồi (P-D-C-A) trong suốt quá trình thực hiện học phần khóa luận tốt nghiệp.

9.2. Điều kiện tốt nghiệp

Việc làm Khóa luận tốt nghiệp cuối khóa học, xét và cấp bằng tốt nghiệp được thực hiện theo quy chế ban hành tại Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo của học chế tín chỉ của Trường Đại học Thủy lợi. Cụ thể, sinh viên theo học chương trình đào tạo ngành Kinh tế của Trường Đại học Thủy lợi được Trường xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Cử nhân Kinh tế khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh, đáp ứng Chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ, Công nghệ thông tin, và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;
- Có đơn gửi Phòng Đào tạo đại học đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

10. Cách thức đánh giá

Được thực hiện theo quy chế ban hành tại Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể như sau:

• Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá:

+ Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học

phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

+ Đối với các học phần thực hành: Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

+ Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần:

+ Cuối mỗi học kỳ, Trường tổ chức một kỳ thi chính. Người học vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những Người học này khi được Trường Khoa cho phép được dự thi một lần ở kỳ thi sau đó (nếu có). Người học vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được Trường Khoa cho phép, được dự thi ở kỳ thi sau đó (nếu có), điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu.

Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần:

+ Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

A (8,5 - 10) Giỏi

B (7,0 - 8,4) Khá

C (5,5 - 6,9) Trung bình

D (4,0 - 5,4) Trung bình yếu

b) Loại không đạt: F (dưới 4,0) Kém

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I: Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X: Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

+ Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà Người học đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó Người học được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

+ Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như trên, còn áp dụng cho trường hợp Người học vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

+ Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, Người học bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được Trường Khoa cho phép;

b) Người học không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được Trường Khoa chấp thuận. Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, Người học nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp Người học chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

+ Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà Phòng Đào tạo của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của Người học từ khoa chuyên lên.

+ Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp Người học học vượt.

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi Người học chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

• **Đánh giá kết quả học tập**

Kết quả học tập của người học được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

+ Số tín chỉ của các học phần mà người học đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

+ Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà người học đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

+ Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D tính từ đầu khóa học.

+ Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Cách tính điểm trung bình chung:

+ Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số như sau:

A tương ứng với 4

B tương ứng với 3

C tương ứng với 2

D tương ứng với 1

F tương ứng với 0

+ Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

+ Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực Người học và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

11. Nội dung chương trình

11.1. Nội dung các học phần

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
1	Kiến thức giáo dục đại cương		30	
1	Pháp luật đại cương	+ Hiểu được những vấn đề cơ bản nhất của nhà nước và pháp luật nói chung và của Việt Nam nói riêng + Nắm bắt được một cách khái quát một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.	2 (2-0-0)	1

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
2	Triết học Mác - Lê Nin	Hiểu sơ lược về chủ nghĩa Mác- Lênin và một số vấn đề chung của môn học, nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin.	3(2-1-0)	1
3	Kinh tế Chính Trị Mác – Lê Nin	Hiểu được nội dung học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa	2 (2-0-0)	3
4	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	Hiểu được nội dung về chủ nghĩa xã hội và nhận định về chủ nghĩa xã hội hiện thức và triển vọng.	2 (2-0-0)	5
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hiểu được hệ thống quan điểm tư tưởng, chủ trương, chính sách của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay.	2 (2-0-0)	6
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hiểu được hệ thống quan điểm tư tưởng của Hồ Chí Minh	2 (2-0-0)	7
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	Hiểu và áp dụng một số kỹ năng cơ bản về giao tiếp và làm việc nhóm trong quá trình học tập và cuộc sống, như: kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng phản hồi, kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng xử lý mâu thuẫn, kỹ năng điều hành cuộc họp.	3 (1-2-0)	2
8	Toán cho nhà Kinh tế	+ Nắm được các khái niệm cơ bản của giải tích một biến và nhiều biến; + Nắm được các kiến thức cơ bản về chuỗi số, chuỗi hàm, triển khai Taylor và ứng dụng; + Giải được các bài tập tương ứng lý thuyết của	3 (2-1-0)	1

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
		giải thích một biến và nhiều biến; + Hiểu và vận dụng được các kiến thức đại cương vào việc tính toán, mô phỏng, phân tích, tổng hợp một số vấn đề kỹ thuật chuyên ngành.		
9	Tin học cơ bản	+ Sử dụng thành thạo máy tính trong các công việc như soạn thảo văn bản, sử dụng bảng tính điện tử, khai thác và sử dụng Internet, sử dụng công cụ trình chiếu, khai thác và sử dụng các phần mềm ứng dụng khác, + Hiểu rõ cách thức hoạt động cơ bản của hệ điều hành windows...	2 (1-1-0)	2
10	Xác suất thống kê	+ Hiểu và vận dụng được phép thử ngẫu nhiên, mối quan hệ giữa các biến cố, và các công thức tính xác suất; + Nắm được các hàm phân phối của biến ngẫu nhiên, phân tích tính toán được các số đặc trung của biến ngẫu nhiên, hiểu được các phân phối xác suất thường gặp và ứng dụng; + Mô tả được dữ liệu thống kê, tính toán được các phân phối của thống kê mẫu; + Ước lượng được cho các tham số thống kê; lập được, tính toán và đưa ra kết luận cho bài toán kiểm định giả thiết thống kê; Ứng dụng được kiến thức môn học làm nền tảng cho các môn học chuyên ngành; + Hiểu và vận dụng được các kiến thức đại cương vào việc tính toán, mô phỏng, phân tích, tổng hợp một số vấn đề kỹ thuật chuyên ngành.	3 (2-1-0)	2

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
11	Tiếng Anh 1	Học phần Tiếng Anh I cung cấp và rèn luyện cho sinh viên một số kiến thức và kỹ năng cơ bản của nửa đầu chương trình B.	2 (0-2-0)	3
12	Tiếng Anh 2	Học phần Tiếng Anh I cung cấp và rèn luyện cho sinh viên một số kiến thức và kỹ năng cơ bản của nửa đầu chương trình B.	3 (0-3-0)	4
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		100	
2.1	Kiến thức cơ sở khối ngành		22	
2.1.1	Các học phần bắt buộc		19	
13	Nguyên lý kinh tế vi mô	<ul style="list-style-type: none"> + Nhớ và hiểu được các khái niệm kinh tế học và nguyên lý kinh tế vi mô cơ bản. + Hiểu và ứng dụng được các kiến thức nguyên lý kinh tế vi mô cơ bản làm cơ sở để nghiên cứu các kiến thức và kỹ năng các môn học kinh tế, quản lý và kinh doanh; bổ trợ kiến thức cho các các môn học thuộc các ngành đào tạo khác. + Hiểu, vận dụng và bước đầu phân tích, đánh giá được những vấn đề nguyên lý kinh tế vi mô, trên cơ sở đó giải thích các hiện tượng, xác định các yếu tố/ tác động đến các hoạt động của các chủ thể trong nền, đặc biệt là người tiêu dùng, người sản xuất và chính phủ. + Sử dụng các kiến thức nguyên lý kinh tế học vi mô để giải thích những vấn đề kinh tế trong cuộc sống. 	3 (2-1-0)	1
14	Quản trị học	+ Nhớ, hiểu và vận dụng được các kiến thức	2 (1-1-0)	2

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
		<p>của học phần vào việc phân tích, tổng hợp và giải thích hành vi, thái độ của các đối tượng có liên quan và giải thích được các hiện tượng liên quan tới sự vận động của hoạt động kinh tế và quản trị kinh doanh.</p> <p>+ Hiểu và vận dụng những kiến thức cơ bản về quản trị vào quá trình đưa ra các quyết định liên quan tới các hoạt động về kinh tế và quản lý doanh nghiệp. Có kỹ năng ứng dụng các kiến thức vào thực tiễn hoạch định, triển khai chiến lược kinh doanh và điều hành các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp.</p> <p>+ Nắm được các nguyên tắc, phương pháp, quy trình chung cần áp dụng trong hoạt động quản trị doanh nghiệp.</p>		
15	Nguyên lý kinh tế vĩ mô	<p>+ Nắm được các biến số và cách thức đo lường các biến số cơ bản trong nền kinh tế vĩ mô</p> <p>+ Nắm được nguyên lý cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân.</p> <p>+ Hiểu rõ các nhân tố quyết định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp trong nền kinh tế.</p> <p>+ Có khả năng đánh giá tác động của các cú sốc tới cân bằng của nền kinh tế quốc dân.</p> <p>+ Nắm được mục tiêu, công cụ và nguyên tắc hoạch định của các chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ. Biết cách vận dụng các chính sách để giải quyết các vấn đề kinh tế vĩ mô phát</p>	3 (2-1-0)	2

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
		<p>sinh.</p> <p>+ Hiểu được quá trình xây dựng, thực thi các chính sách kinh tế vĩ mô ở các nước đang phát triển như Việt Nam và làm cơ sở cho việc phân tích các vấn đề có liên quan trong các môn học sau này.</p> <p>+ Hiểu và lý giải được các hiện tượng kinh tế xảy ra trong đời sống thực tế</p>		
16	Nguyên lý kế toán	<p>+ Nắm được những vấn đề cơ bản về kế toán, đối tượng của kế toán, phương trình kế toán, chứng từ sổ sách kế toán và cách ghi chép các giao dịch chủ yếu;</p> <p>+ Hiểu và vận dụng được các kiến thức đã học để áp dụng khi thực hiện công việc kế toán trong các doanh nghiệp trên thực tế.</p>	3 (2-1-0)	2
17	Tài chính – Tiền tệ	<p>+ Nắm được kiến thức tổng quát về tài chính, tiền tệ, thống kê và thuế</p> <p>+ Nắm được các công cụ cơ bản để giao dịch với ngân hàng</p> <p>+ Hiểu rõ bản chất, chức năng tài chính tiền tệ, thị trường tài chính, các vấn đề về tỷ giá hối đoái, lạm phát, lãi suất, hoạt động của ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương trong việc thực thi các chính sách tiền tệ.</p>	2 (1-1-0)	2
18	Nguyên lý thống kê	<p>+ Nắm được đặc thù của hoạt động thống kê, các bước triển khai điều tra thống kê, các chi tiêu cơ bản của thống kê và cách tính các chi tiêu, mức độ, khối lượng tuyệt đối, mức độ</p>	3 (2-1-0)	3

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
		<p>tương đối, các loại chỉ số, các cách dự báo.</p> <p>+ Áp dụng triển khai một số cuộc điều tra thống kê theo yêu cầu, tính toán các chỉ tiêu thống kê trong trường hợp cụ thể; cách phân tích và dự báo các số liệu thống kê.</p> <p>+ Có khả năng tổng hợp, xem xét, phân tích, đánh giá và xử lý những vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh tế, xã hội, kinh doanh.</p> <p>+ Có khả năng sử dụng thành thạo các kỹ thuật, công cụ để chuẩn đoán và phân tích các hoạt động kinh tế, xã hội và kinh doanh.</p>		
19	Pháp luật kinh tế	<p>Hiểu và vận dụng được các kiến thức đại cương về Pháp luật Kinh tế nhằm phát hiện, phân tích các vấn đề liên quan đến tranh chấp kinh tế bằng các công cụ luật và kinh tế.</p>	2 (2-0-0)	2
20	Marketing căn bản	<p>+ Hiểu và cho ví dụ được các khái niệm cơ bản, các quan điểm quản trị marketing</p> <p>+ Hiểu được chức năng, nhiệm vụ, vai trò của marketing trong doanh nghiệp</p> <p>+ Hiểu được khái niệm và quy trình nghiên cứu marketing, các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến quyết định marketing của doanh nghiệp;</p> <p>+ Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua của người tiêu dùng và quá trình ra quyết định mua; sự khác biệt giữa thị trường người tiêu dùng và thị trường tư liệu sản xuất.</p>	3 (2-1-0)	4

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
		<ul style="list-style-type: none"> + Khái niệm phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị + Quy trình lập kế hoạch marketing + Khái niệm sản phẩm, phân loại, các giai đoạn trong chu kỳ sống của sản phẩm. + Khái niệm, mục tiêu, yêu cầu định giá, các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định giá của doanh nghiệp và một số chiến lược giá + Khái niệm, vai trò, chức năng và cấu trúc kênh phân phối + Các công cụ và đặc điểm từng công cụ xúc tiến hỗn hợp của doanh nghiệp. , 		
2.2	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>		18	
2.2.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>		15	
21	Tư duy kinh tế và Định hướng nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> + Nắm được những kiến thức chung về: Ngành kinh tế và chương trình đào tạo ngành kinh tế; + Nắm được phương pháp học tập hiệu quả ở bậc đại học; Trách nhiệm, đạo đức của cử nhân kinh tế, + Xác định môi trường làm việc của người cử nhân ngành kinh tế sau khi tốt nghiệp, giúp sinh viên sớm tìm hiểu được về ngành nghề theo học và có động lực học tập tốt hơn. 	3 (2-1-0)	1
22	Kinh tế lượng	+Nắm được những kiến thức cơ bản về hồi quy đơn, hồi quy bội, kiểm định và dự báo.	2 (1-1-0)	3

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
23	Phân tích chi phí – lợi ích	+ Nắm được kiến thức cơ bản về phân tích lợi ích chi phí, các quan điểm trong phân tích lợi ích chi phí, quy trình phân tích; Cơ sở để nhận dạng, phân tích lợi ích và chi phí; Các cách lượng hóa lợi ích chi phí trong các trường hợp có hoặc không có giá thị trường, hàng hóa ngoại thương, trong thị trường bị biến dạng, hay với các loại hàng hóa khác nhau, + Vận dụng linh hoạt các phương pháp phân tích các phương án, các dự án phát triển kinh tế xã hội trước khi ra quyết định đối với các dự án đầu tư.	2 (1-1-0)	4
24	Tài chính quốc tế	+ Hiểu được các lý thuyết về các luồng tài chính quốc tế, các lý thuyết xác định tỷ giá hối đoái trong nền kinh tế mở, các nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường ngoại hối. + Đánh giá diễn biến của các giao dịch tài chính của quốc gia với phần còn lại thế giới, biến động của tỷ giá hối đoái, hoạch toán cân cân thanh toán quốc tế	3 (2-1-0)	4
25	Cách mạng công nghiệp 4.0	+ Nắm được các kiến thức cơ bản về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, xu hướng và những đột phá mà cuộc cách mạng mang lại cho con người, các tác động của nó đến nền kinh tế, và con người có thể làm gì để khai thác những lợi ích và hạn chế tác động tiêu cực của cách mạng công nghiệp 4.0, hiểu được đặc điểm phát triển của các công nghệ cốt lõi và liên hệ thực tiễn	3 (1-2-0)	4

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
		về các giải pháp công nghệ mà các ngành đang áp dụng. + Phân tích, đánh giá các vấn đề về chiến lược và chính sách mà Việt Nam đang thực hiện nhằm tranh thủ những cơ hội từ sự thay đổi mang tính cách mạng để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và hội nhập sâu rộng trong nền kinh tế thế giới.		
2.2.2	<i>Các học phần tự chọn</i>		3	
26	Quản lý kinh tế	+ Nắm được những kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế	3 (2-1-0)	6
27	Luật kinh doanh quốc tế	+ Nắm được khái niệm và đặc điểm của pháp luật trong kinh doanh quốc tế, các hệ thống pháp luật kinh doanh quốc tế chủ yếu trên thế giới, nguyên lý chung về hợp đồng kinh doanh quốc tế, phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế. + Nắm được những kiến thức pháp lý cơ bản, cần thiết trong việc giao kết, thực hiện các hợp đồng kinh doanh quốc tế chủ yếu thường gặp như hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, hợp đồng cung cấp dịch vụ quốc tế, hợp đồng đầu tư quốc tế.	3 (2-1-0)	6
28	Tin học ứng dụng trong kinh tế	Nắm được những kiến thức lý thuyết và thực hành phần mềm Stata và R nhằm hỗ trợ cho giải các bài toán kinh tế lượng và ứng dụng vào thực tiễn Việt Nam	3 (2-1-0)	6
2.3	<i>Kiến thức ngành</i>		26	

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
2.3.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>		18	
29	Kinh tế quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> + Hiểu được các vấn đề cơ bản của kinh tế quốc tế bao gồm: các lý thuyết về thương mại quốc tế, đặc điểm của chính sách thương mại quốc tế, thị trường ngoại hối, cán cân thanh toán quốc tế và các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế chủ yếu + Vận dụng lý thuyết để giải thích nguồn gốc của thương mại giữa các quốc gia; xem xét can thiệp của Chính phủ vào thương mại quốc tế, xem xét lựa chọn của Chính phủ can thiệp vào thị trường ngoại hối + Phân tích các ảnh hưởng của hội nhập kinh tế quốc tế đối với nền kinh tế quốc gia và thế giới 	3 (2-1-0)	4
30	Kinh tế phát triển I	<ul style="list-style-type: none"> + Nắm được mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế + Hiểu được mối quan hệ giữa các yếu tố nguồn lực như lao động, đất đai, vốn và khoa học công nghệ tới tăng trưởng kinh tế. + Hiểu được vai trò của thương mại quốc tế đối với tăng trưởng + Hiểu và lý giải được các hiện tượng kinh tế xảy ra trong đời sống thực tế thông qua phân tích chính sách kinh tế. 	3 (2-1-0)	5
31	Kinh tế đầu tư I	<ul style="list-style-type: none"> + Nắm được các kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển như khái niệm và bản chất của đầu tư nói chung và đầu tư phát triển nói riêng; 	3 (2-1-0)	5

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
		+ Xác định vai trò và đặc điểm của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; xem xét các nguồn vốn và các giải pháp huy động các nguồn vốn đó cho đầu tư, tổ chức, quản lý và lập kế hoạch đầu tư phát triển.		
32	Nhập môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	+ Hiểu và vận dụng được các kiến thức đại cương về Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên như các đặc tính thất bại thị trường, ước lượng giá trị tài nguyên, mô hình sử dụng tài nguyên hiệu quả; + Hiểu và vận dụng được các nguyên lý cơ bản về lĩnh vực Kinh tế Tài nguyên đối với tài nguyên cạn kiệt và tái tạo để giải thích các hiện tượng, và phân tích kinh tế nhằm quản lý hiệu quả và bền vững.	3 (2-1-0)	5
33	Tiếng Anh Kinh tế	+ Nắm được các cấu trúc thư cho những mục đích khác nhau trong lĩnh vực thương mại + Xác định được những điều nên làm và không nên làm khi viết thư tín thương mại + Hình thành kỹ năng viết thư tín thương mại, chủ yếu qua thư và e-mail + Kỹ năng thư tín rõ ràng và hiệu quả bằng Tiếng Anh	3 (2-1-0)	6
34	Quản lý và chuyển giao công nghệ	+ Nắm được các kiến thức cơ bản về công nghệ, vai trò công nghệ đối với sự phát triển của doanh nghiệp. + Nắm được các nội dung chuyển giao công	3(2-1-0)	7

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
		nghệ, phương thức chuyển giao công nghệ, chiến lược công nghệ và thương mại hóa công nghệ. + Hiểu được nội dung và các hình thức lan toả công nghệ.		
2.3.2	<i>Các học phần tự chọn</i>		8	
35	Kinh tế nguồn nhân lực	+ Nắm được các cơ sở và phương pháp xác định cung và cầu lao động + Xác định được nhu cầu đào tạo và phát triển nguồn nhân lực – Yếu tố quyết định tăng trưởng và phát triển kinh tế + Phân tích và đánh giá các nhân tố tác động tới năng suất lao động và tiền lương	2 (1-1-0)	3
36	Kinh tế môi trường	+ Hiểu và vận dụng được các kiến thức đại cương về Kinh tế Môi trường như các đặc tính thất bại thị trường, ước lượng giá trị môi trường, công cụ quản lý ô nhiễm; + Hiểu và vận dụng được các nguyên lý cơ bản về lĩnh vực Kinh tế Môi trường để giải thích các hiện tượng, và phân tích kinh tế nhằm quản lý ô nhiễm và ứng phó với biến đổi khí hậu.	2 (2-1-0)	3
37	Quản lý nhà nước về kinh tế	+ Nắm được những kiến thức cơ bản về nguyên tắc, công cụ, phương pháp, mục tiêu, chức năng quản lý nhà nước về kinh tế; thông tin và quyết định quản lý; bộ máy và cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế.	2 (2-0-0)	5
38	Phân tích và dự báo kinh tế	+Phân tích được chuỗi thời gian và dự báo +Mô tả và chuyển đổi được dữ liệu sang các	2 (2-0-0)	5

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
		<p>mốc thời gian khác nhau</p> <p>+ Mô hình hóa khuynh hướng bằng việc sử dụng phân tích hồi quy</p> <p>+ Phương pháp san mũ: Cập nhật các mô hình xu thế dựa trên hồi quy</p> <p>+ Phương pháp phân rã</p> <p>+ Cập nhật các mô hình mùa với phương pháp san mũ Winter</p> <p>+ Giới thiệu mô hình chuỗi thời gian tuyến tính và phi tuyến</p> <p>+ Ứng dụng mô hình dự báo</p>		
39	Kinh tế xây dựng I	<p>- Nắm được những kỹ năng cơ bản về kinh tế - quản lý xây dựng, trang bị kiến thức cơ sở để phục vụ cho đánh giá các dự án ĐTXD;</p> <p>- Có các kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề.</p>	2 (2-0-0)	6
40	Chiến lược và chính sách kinh doanh	<p>+ Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về các chiến lược và chính sách kinh doanh</p> <p>+ Hiểu và nắm được trình tự xây dựng các chiến lược và chính sách kinh doanh</p>	2 (2-0-0)	6
41	Kinh tế du lịch căn bản	<p>+ Nắm được những kiến thức cơ bản về quy luật tương tác giữa các thành phần môi trường trong một hệ sinh thái, tính đa dạng sinh học, diễn thế và sự phụ thuộc lẫn nhau của chúng theo quy luật vận động và phát triển của du lịch sinh thái.</p> <p>+ Có hiểu biết thêm về cơ sở sinh thái môi</p>	2 (1-1-0)	7

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
		trường, sinh thái cảnh quan, cái hay, cái đẹp, cái hấp dẫn của một số loại hình sinh thái đặc thù, khai thác nhằm phục vụ cho hướng dẫn du lịch sinh thái và bảo vệ môi trường bền vững mà trước hết là phát triển loại hình du lịch sinh thái bền vững, tạo tay nghề cho hướng dẫn viên hay quy hoạch tiến tới thiết kế du lịch sinh thái cho một khu hay một tour du lịch sinh thái. + Nắm được những kiến thức về kinh tế du lịch, quản trị kinh doanh lữ hành và những kiến thức tối thiểu về nghiệp vụ khách sạn nhà hàng.		
42	Kinh tế nông nghiệp	+ Nắm được những kiến thức cơ bản về kinh tế nông nghiệp, gắn liền trong bối cảnh và chủ thể của các hoạt động kinh tế nông nghiệp, và gắn với chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân (tam nông) ở Việt Nam.	2 (1-1-0)	7
2.5	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>		34	
2.5.1	<i>Chuyên ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên</i>		27	
2.5.1.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>		24	
1	Kinh tế phát triển bền vững	+ Nắm được những kiến thức cơ bản về phát triển bền vững và cần có chuyển đổi, + Xác định một số vấn đề tranh luận hiện nay, Đóng góp của khoa học kinh tế cho phát triển bền vững, Đạo đức dành cho phát triển bền vững, Cơ sở liên xuyên ngành cho phát triển bền vững, Các công cụ về chính sách – pháp lý, Chính sách kinh tế cho phát triển bền vững,	3(2-0-1)	3

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
		Những phương diện phát triển bền vững ở góc độ toàn cầu, Bàn về nền kinh tế thị trường dành cho phát triển bền vững, Bàn chuyển đổi một số lĩnh vực trong phát triển bền vững.		
2	Kinh tế biến đổi khí hậu	+ Hiểu và vận dụng được các kiến thức đại cương về Kinh tế Biến đổi khí hậu nhằm sử dụng các công cụ kinh tế ước lượng các thiệt hại cơ bản do Biến đổi khí hậu gây ra trong từng lĩnh vực, cũng như các nỗ lực của tổ chức quốc tế nhằm giảm nhẹ tính tổn thương do Biến đổi khí hậu gây nên;	3 (2-1-0)	5
3	Kinh tế sinh thái	+ Phân biệt, so sánh và phân loại được các loại tài nguyên, hệ sinh thái khác nhau (bao gồm tài nguyên sinh học và phi sinh học); + Hiểu được cách tiếp cận phân bổ tài nguyên, khai thác và sử dụng bền vững hệ sinh thái, những quan điểm kinh tế dưới góc độ sinh thái; + Lập luận, lý giải và xây dựng hay điều chỉnh chính sách trong quản lý tài nguyên và môi trường sinh thái; + Nắm được những kiến thức về hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội của nền kinh tế, có khả năng đánh giá, tổng hợp, nghiên cứu các vấn đề về kinh tế nhằm phát triển bền vững.	3 (1,5-1,5-0)	5
4	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	+ Hiểu và vận dụng được các kiến thức đại cương về Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên, ứng dụng cụ thể đối với Tài nguyên nước nhằm	3 (1-1-1)	6

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
		xây dựng mô hình phân bổ tối ưu, phân tích chính sách quản lý tài nguyên....		
5	Đề án chuyên ngành kinh tế tài nguyên thiên nhiên	+ Nắm được lộ trình thực hiện một đề án nghiên cứu bao gồm: lựa chọn đề tài, lập kế hoạch thực hiện, đặt vấn đề, xây dựng giả thuyết, thu thập số liệu và xử lý thông tin, Viết báo cáo kết quả nghiên cứu + Vận dụng kiến thức chuyên ngành kinh tế tài nguyên thiên nhiên được trang bị để thực hiện một đề tài nghiên cứu cụ thể.	3 (0-0-3)	6
6	Lượng giá giá trị tài nguyên môi trường	+ Nắm được các công cụ, phương pháp ước lượng các thành phần tài nguyên, môi trường và quy đổi sang đơn vị tiền tệ. + Xác định được các thông tin về giá trị tài nguyên, môi trường bằng đơn vị tiền tệ nhằm giúp cho quá trình hoạch định chính sách.	3 (2-1-0)	7
7	Kinh tế tài nguyên nước	+ Hiểu và vận dụng được các kiến thức đại cương về Kinh tế Tài nguyên thiên nước nhằm ước lượng giá trị tài nguyên nước, xác định cầu sử dụng nước với các mục đích khác nhau, xây dựng mô hình phân bổ tài nguyên nước tối ưu; + Hiểu và vận dụng được các nguyên lý cơ bản về lĩnh vực Kinh tế Tài nguyên nước để giải thích các hiện tượng, và phân tích kinh tế nhằm quản lý và ra chính sách quản lý tài nguyên nước hiệu quả và bền vững.	3 (2-1-0)	7
8	Thực tập chuyên ngành	Tiếp cận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các viện nghiên cứu và sở ban	3 (0-0-3)	8

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
		ngành tại địa phương. Từ đó, vận dụng những kiến thức lý thuyết chuyên ngành kinh tế tài nguyên thiên nhiên vào việc quan sát, tổng hợp, đánh giá thực tế		
2.5.1.2	<i>Các học phần tự chọn</i>		3	
1	Kinh tế vùng duyên hải và biển	+ Nắm được những kiến thức cơ bản về đặc điểm của vùng duyên hải và biển cũng như những vấn đề liên quan tới khai thác, sử dụng chúng cho phát triển kinh tế - xã hội. + Hiểu được các khái niệm, cơ sở lý luận, phương pháp tư duy, kiến thức thực tiễn và kỹ năng cho việc phân tích, đánh giá hiệu quả phát triển kinh tế biển, hoạch định và quản lý tài nguyên biển, các chính sách phát triển các ngành kinh tế biển cụ thể hướng đến phát triển kinh tế biển một cách bền vững và góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo.	3	7
2	Kinh tế lâm nghiệp	+ Hiểu và vận dụng được các kiến thức đại cương về Kinh tế Lâm nghiệp nhằm sử dụng các công cụ kinh tế như ước lượng giá trị tài nguyên rừng, xây dựng mô hình khai thác rừng tối ưu theo tiếp cận Faustman và Hartman; + Phân tích các chính sách quản lý lâm nghiệp hiện nay, đề xuất giải pháp để bảo tồn và phát triển bền vững.	3 (2-1-0)	7
2.5.2	<i>Chuyên ngành Kinh tế quốc tế</i>		23	

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
2.5.2.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>		18	
1	Hội nhập và định chế quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> + Hiểu được các lý thuyết về hội nhập kinh tế quốc tế, các liên kết kinh tế và các mô hình liên kết quốc tế điển hình. + Đánh giá quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong thời gian qua + Phân tích các ảnh hưởng của toàn cầu hóa đối với Việt Nam đối với thương mại, đầu tư, tăng trưởng kinh tế, khả năng đổi mới và tiếp cận công nghệ + Tổng hợp các kiến thức được trang bị kết hợp với khả năng phân tích thông tin để xác định các cơ hội và thách thức của Việt Nam khi tham gia vào các hiệp định thương mại tự do. 	3 (2-1-0)	5
2	Các thỏa ước thương mại đa phương	<ul style="list-style-type: none"> + Nắm đưpuck kiến thức cơ bản nhất về các cam kết về thương mại quốc tế thể hiện ở các hiệp định thương mại đa phương mà Việt Nam đã tham gia. + Nắm vững nội dung của các hiệp định về thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ; hiệp định về sở hữu trí tuệ; hiệp định về trợ cấp thương mại và các biện pháp đối kháng; hiệp định về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại; hiệp định về các biện pháp tự về thương mại trong WTO, Hiệp định Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và Diễn 	3 (2-1-0)	5

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
		đàn Hợp tác Châu Á – Thái Bình Dương (APEC).		
3	Thị trường thế giới và kinh doanh thương mại quốc tế	+ Nắm được những kiến thức về môi trường và chiến lược kinh doanh trên thị trường thế giới + Phân biệt các phương thức thâm nhập thị trường thế giới, các phương thức kinh doanh thương mại trên thị trường thế giới	3 (2-1-0)	6
4	Đề án chuyên ngành kinh tế quốc tế	+ Nắm được lộ trình thực hiện một đề án nghiên cứu bao gồm: lựa chọn đề tài, lập kết hoạch thực hiện, đặt vấn đề, xây dựng giả thuyết, thu thập số liệu và xử lý thông tin, Viết báo cáo kết quả nghiên cứu + Vận dụng kiến thức chuyên ngành kinh tế quốc tế được trang bị để thực hiện một đề tài nghiên cứu cụ thể.	3 (2-1-0)	6
5	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	+ Nắm được cơ sở lý luận và thực tiễn nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. + Nắm được các nội dung về chuẩn bị và tổ chức thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu, các phương thức mua bảo hiểm hàng hóa cho hàng hóa xuất nhập khẩu, các phương thức vận tải hàng hóa, thủ tục hải quan, các phương tiện và phương thức thanh toán trong kinh doanh xuất nhập khẩu.	3 (2-1-0)	7
6	Tín dụng và thanh toán	+ Nắm được những vấn đề liên quan tới hệ thống tiền tệ và thanh toán quốc tế, tỷ giá hối	3 (2-1-0)	7

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
	quốc tế	đoái, thị trường ngoại hối, tín dụng quốc tế và tín dụng thương mại quốc tế, cân bằng lãi suất và vận dụng trong thương mại quốc tế. Nắm được các phương thức và phương tiện thanh toán quốc tế. + Xác định kế hoạch, tổ chức, thực hiện các nghiệp vụ trong thanh toán thương mại quốc tế.		
7	Logistics	+ Nắm được kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh doanh logistics, hệ thống phân phối, giao nhận vận tải; bảo hiểm; các phương thức vận tải hàng hoá như đường thuỷ, đường sắt, đường bộ, đường hàng không; kinh doanh dịch vụ giao nhận, kho hàng. + Có khả năng lập kế hoạch và tổ chức công tác đóng gói, kho bãi, xếp dỡ, giao nhận, vận tải và cung ứng; phân tích hiệu quả của hoạt động logistics và vận tải đa phương thức, tham mưu kế hoạch logistics chiến lược; thiết kế mạng lưới logistics.	3 (2-1-0)	7
8	Thực tập chuyên ngành	Tiếp cận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các viện nghiên cứu và sở ban ngành tại địa phương. Từ đó, vận dụng những kiến thức lý thuyết chuyên ngành kinh tế quốc tế vào việc quan sát, tổng hợp, đánh giá thực tế	3 (0-0-3)	8
2.5.2.2	<i>Các học phần tự chọn</i>		5	
1	Đàm phán quốc tế	+Hiểu được một cách có hệ thống và ứng dụng được chiến lược và nguyên tắc đàm phán để	3 (2-1-0)	7

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
		giải quyết các tình huống trong kinh doanh quốc tế + Vận dụng lý thuyết về quy trình và kỹ năng đàm phán kinh doanh quốc tế trong thực hành đàm phán + Phân tích thông tin, dữ liệu cần thiết để thực hiện đàm phán với các đối tác đến từ các nền văn hoá khác nhau + Tổng hợp các kiến thức được trang bị, khả năng phân tích thông tin và hoàn thiện các kỹ năng để có thể xử lý được các tình huống đặc biệt phát sinh trong thực tế.		
2	Doanh nghiệp đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	+ Nắm được những vấn đề cơ bản liên quan tới đặc điểm và hoạt động của công ty đa quốc gia, + Xem xét, phân tích quyết định thâm nhập thị trường toàn cầu và chiến lược kinh doanh toàn cầu, + Xác định những thách thức mà công ty đa quốc gia phải đối mặt khi tham gia vào hoạt động kinh doanh toàn cầu; sự đa dạng của môi trường hoạt động với những yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, pháp luật.	3 (2-1-0)	7
2.5.3	Chuyên ngành Kinh tế phát triển		27	
2.5.3.1	Các học phần bắt buộc		25	
1	Kinh tế công	+ Nắm bắt được các kiến thức về các vấn đề	3 (2-1-0)	5

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
	cộng	của thị trường, thất bại thị trường. + Nắm được các phương pháp, đo lường sự bất bình đẳng + Hiểu được vai trò của chính phủ trong nền kinh tế - xã hội, vận dụng vai trò đó trong việc giải quyết các thất bại thị trường, sự bất bình đẳng trong xã hội.		
2	Lập và thẩm định dự án đầu tư	- Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về Lập thẩm định dự án đầu tư, Một số vấn đề lý luận chung về đầu tư, dự án đầu tư, - Nắm được những khía cạnh kỹ thuật, tài chính của dự án đầu tư - Phân tích tài chính dự án đầu tư - Những vấn đề cơ bản của quản lý dự án	2 (2-0-0)	5
3	Kinh tế phát triển 2	+Nắm được mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế, đánh giá được hiệu quả của tăng trưởng + Hiểu được mối quan hệ giữa các yếu tố nguồn lực như lao động, đất đai, vốn và khoa học công nghệ tới tăng trưởng kinh tế. + Hiểu được vai trò của thương mại quốc tế đối với tăng trưởng + Hiểu và lý giải được các hiện tượng kinh tế xảy ra trong đời sống thực tế thông qua phân tích chính sách kinh tế.	3 (2-1-0)	6
4	Kinh tế và chính sách phát triển	+Hiểu và vận dụng được các kiến thức kinh tế và chính sách phát triển vùng kinh tế để áp dụng vào các môn học của chuyên ngành khối	2 (2-0-0)	6

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
	vùng	kinh tế nói chung; +Hiểu và vận dụng được các lý thuyết định vị vùng kinh tế để giải thích các hiện tượng, xác định các yếu tố/tác động đến phân bố ngành và phân bố doanh nghiệp.		
5	Đề án chuyên ngành kinh tế phát triển	+ Nắm được lộ trình thực hiện một đề án nghiên cứu bao gồm: lựa chọn đề tài, lập kế hoạch thực hiện, đặt vấn đề, xây dựng giả thuyết, thu thập số liệu và xử lý thông tin, Viết báo cáo kết quả nghiên cứu + Vận dụng kiến thức chuyên ngành kinh tế phát triển được trang bị để thực hiện một đề tài nghiên cứu cụ thể.	3 (0-0-3)	6
6	Kế hoạch hóa phát triển kinh tế xã hội	+ Nắm được quy trình xây dựng và lập kế hoạch phát triển kinh tế của một địa phương. +Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch của một địa phương. + Tính toán được các bài toán về nhu cầu vốn đầu tư, khả năng và nhu cầu huy động vốn, khả năng tăng trưởng kinh tế của địa phương dựa trên các số liệu cho trước. + Đánh giá cơ cấu kinh tế và xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế.	3 (2-1-0)	6
7	Kinh tế và tài chính công	+ Nắm được các kiến thức quản lý, chi tiêu công cộng + Nắm được các vấn đề về thu chi ngân sách của chính phủ. Đánh giá được một chính sách thu chi ngân sách của chính phủ.	3 (2-1-0)	7

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
		+ Hiểu được vai trò của chính phủ trong nền kinh tế - xã hội, tác động của chính sách thuế. + Vận dụng kiến thức đã học để phân tích một chính sách thuế thực tế đang triển khai		
8	Chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội	+ Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về chiến lược, kế hoạch của chính phủ đưa ra từng thời kỳ, giai đoạn, và hàng năm + Phân tích, xây dựng và thẩm định được một chương trình kinh tế- xã hội + Tính toán được một dự án kinh tế có khả thi hay không, rủi ro dự án như thế nào.	3 (2-1-0)	7
9	Thực tập chuyên ngành	Tiếp cận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các viện nghiên cứu và sở ban ngành tại địa phương. Từ đó, vận dụng những kiến thức lý thuyết chuyên ngành kinh tế phát triển vào việc quan sát, tổng hợp, đánh giá thực tế	3 (0-0-3)	8
2.5.3.2	<i>Các học phần tự chọn</i>		6	
1	Ứng dụng định lượng trong phân tích kinh tế	+ Hiểu được lý thuyết và phân tích kết quả của các mô hình cơ bản.như mô hình động, mô hình logit, probit, mô hình ảnh hưởng ngẫu nhiên, ảnh hưởng cố định.. + Hiểu và vận dụng mô hình trong từng bài toán cụ thể. + Sử dụng được phần mềm stata và eview để ước lượng và kiểm định các mô hình kinh tế lượng.	2 (2-0-0)	7

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
		<ul style="list-style-type: none"> + Vận dụng kiến thức đã học để ước lượng các mô hình kinh tế nhằm phân tích và đánh giá tác động trên thực tế. + Tổng hợp các kiến thức được trang bị kết hợp với khả năng phân tích xử lý dữ liệu và mô hình kinh tế lượng để đánh giá tác động của các biến số kinh tế ở cấp vi mô và cấp vĩ mô. 		
2	Mô hình tăng trưởng và phát triển	<ul style="list-style-type: none"> + Hiểu được sự kiện tăng trưởng kinh tế, nguồn gốc của tăng trưởng kinh tế, các nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế. + Nắm được các mô hình tăng trưởng kinh tế cơ bản như Solow, Romer. Hiểu và phân tích được tác động của từng nhân tố như dân số, tỷ lệ tiết kiệm, trình độ học vấn, tiến bộ công nghệ, đến trạng thái dừng của nền kinh tế, tác động của kiến trúc thượng tầng và vai trò của FDI đối với kinh tế. + Vận dụng kiến thức đã học để chạy các mô hình kinh tế để phân tích tăng trưởng kinh tế của một quốc gia hoặc của một khu vực. + Vận dụng các ứng dụng phần mềm (Stata, Eview) để phân tích và giải quyết các chủ đề liên quan đến tăng trưởng và phát triển kinh tế của Việt Nam và các quốc gia trên thế giới 	2 (2-0-0)	7
2.5.4	Chuyên ngành Kinh tế đầu tư		27	
2.5.4.1	Các học phần bắt buộc		24	

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
1	Lập và thẩm định dự án đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> + Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về Lập thẩm định dự án đầu tư, Một số vấn đề lý luận chung về đầu tư, dự án đầu tư, + Nắm được những khía cạnh kỹ thuật, tài chính của dự án đầu tư + Phân tích tài chính dự án đầu tư + Những vấn đề cơ bản của quản lý dự án 	2 (2-0-0)	5
2	Kinh tế đầu tư 2	<ul style="list-style-type: none"> + Nắm được kiến thức về hoạt động đầu tư phát triển ở quy mô vĩ mô và vi mô: tình hình đầu tư công; tính chất, + Xác định vai trò và nội dung của hoạt động đầu tư phát triển của doanh nghiệp và quản lý đầu tư trong các dự án, đánh giá kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển 	2 (2-0-0)	5
3	Đấu thầu quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> + Nắm được các quy định về hình thức tổ chức đấu thầu và nội dung liên quan đến đấu thầu quy định theo Luật Đấu thầu Việt Nam 2013 và hướng dẫn thực hiện đấu thầu của các Tổ chức tài trợ quốc tế. + Xác định hình thức đấu thầu cạnh tranh quốc tế là hình thức được áp dụng phổ biến trong các dự án, gói thầu thuộc các nội dung mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp và dịch vụ tư vấn. 	3 (2-1-0)	5
4	Thị trường vốn	<ul style="list-style-type: none"> + Nắm được các kiến thức cơ bản về thị trường vốn và hoạt động đầu tư trên thị trường vốn: khái niệm, cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt 	3 (2-1-0)	6

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
		động, các công cụ đầu tư trên thị trường, + Xác định các phương thức huy động qua thị trường vốn, nội dung của phân tích chứng khoán và ra quyết định đầu tư, tìm hiểu về danh mục đầu tư chứng khoán, tổ chức và cơ chế vận hành của quỹ đầu tư chứng khoán		
5	Đề án chuyên ngành kinh tế đầu tư	+ Nắm được lộ trình thực hiện một đề án nghiên cứu bao gồm: lựa chọn đề tài, lập kế hoạch thực hiện, đặt vấn đề, xây dựng giả thuyết, thu thập số liệu và xử lý thông tin, Viết báo cáo kết quả nghiên cứu + Vận dụng kiến thức chuyên ngành kinh tế đầu tư được trang bị để thực hiện một đề tài nghiên cứu cụ thể.	3 (2-1-0)	6
6	Xúc tiến đầu tư	+ Nắm được những kiến thức cơ bản về xúc tiến đầu tư và các kỹ năng cụ thể để xúc tiến đầu tư gồm xây dựng chiến lược đầu tư, thiết lập các mối quan hệ đối tác hiệu quả, các kỹ năng hỗ trợ nhà đầu tư + Nắm được các kỹ năng giao tiếp và phương pháp thuyết phục hiệu quả trong quá trình xúc tiến đầu tư	2 (2-0-0)	7
7	Quản trị rủi ro trong đầu tư	+ Nắm được những vấn đề lý luận chung về quản lý rủi ro trong các hoạt động đầu tư diễn ra trong nền kinh tế, bao gồm một số nội dung cơ bản như: kiến thức tổng quan về rủi ro và quản lý rủi ro trong đầu tư; nhận diện các loại	3 (2-1-0)	7

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
		rủi ro trong hoạt động đầu tư; các công cụ được sử dụng để định lượng, đo lường rủi ro; + Phân tích và lựa chọn các phương án đầu tư và ra quyết định trong điều kiện rủi ro; quản lý rủi ro đối với các dự án đầu tư; các phương pháp nhằm phòng ngừa và kiểm soát rủi ro.		
8	Quản lý dự án đầu tư	+ Nắm được các kiến thức về quản lý dự án: Quản lý phạm vi dự án, các mô hình quản lý dự án, tổ chức quản lý thời gian dự án, phân phối tài nguyên dự án, quản lý chi phí và chất lượng, giám sát và kiểm soát dự án.	3 (2-1-0)	7
9	Thực tập chuyên ngành	Tiếp cận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các viện nghiên cứu và sở ban ngành tại địa phương. Từ đó, vận dụng những kiến thức lý thuyết chuyên ngành kinh tế phát triển vào việc quan sát, tổng hợp, đánh giá thực tế	3 (0-0-3)	8
2.5.4.2	<i>Các học phần tự chọn</i>		6	
1	Quản trị tài chính kinh doanh	+ Nắm được những ứng dụng mang tính thực tế, các khái niệm, công cụ và phương pháp luận về những khía cạnh thực tiễn của tài chính, được áp dụng hàng ngày trong môi trường quản lý tài chính và kinh doanh	3 (2-1-0)	7
2	Thẩm định tài chính dự án	+ Nắm được các kiến thức cơ bản về thẩm định tài chính dự án như dự toán vốn đầu tư, dòng tiền phát sinh, lãi suất chiết khấu, phân tích rủi	3 (2-1-0)	7

STT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Tổ chức tại kỳ
		ro của dự án, chỉ tiêu thẩm định tài chính dự án		
3	Khóa luận tốt nghiệp		7	
1	Khóa luận tốt nghiệp	Thực tập và tiếp cận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các viện nghiên cứu và sở ban ngành tại địa phương. Từ đó, vận dụng những kiến thức lý thuyết chuyên ngành hoàn thành khóa luận	7 (0-7-0)	8

11.2. Kế hoạch giảng dạy

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã Môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			30								
I.1	Lý luận chính trị	Political Subjects			13								
1	Pháp luật đại cương	General Law	GEL111	Mác-Lênin	2	2							
2	Triết học Mác - Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	MLP111	Mác-Lênin	3	3							
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	MLPE222	Mác-Lênin	2			2					
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	SCSO333	Mác-Lênin	2					2			
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	HCPV444	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2						2		
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	HCMT455	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2							2	
I.2	Kỹ năng	Skills			3								
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	Soft Skills and Entrepreneurs	SSE111	Phát triển kỹ năng	3		3						
I.3	Khoa học tự nhiên và tin học	Natural Science & computer			8								

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã Môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
8	Toán cho các nhà kinh tế	Mathematics for Economists	MAEC112	Toán học	3	3							
9	Tin học cơ bản	Introduction to Informatics	CSE100	Tin học và Kỹ thuật tính toán	2		2						
10	Xác suất thống kê	Probability and Statistics	MATH 254	Toán học	3		3						
I.4	Tiếng Anh	English			6								
11	Tiếng Anh 1	English 1	ENG211	Tiếng Anh	3			3					
12	Tiếng Anh 2	English 2	ENG222	Tiếng Anh	3				3				
I.5	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education			165t	8*							
I.6	Giáo dục thể chất	Physical Education			5*	1*	1*	1*	1*	1*			
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	PROFESSIONAL EDUCATION			100								
II.1	Cơ sở khối ngành	Foundation Subjects			21								
13	Nguyên lý kinh tế vi mô	Principles of Microeconomics	ECON102	Kinh tế	3	3							
14	Quản trị học	Management	BACU101	Quản trị kinh doanh	2		2						
15	Nguyên lý kinh tế vĩ mô	Principles of Macroeconomics	ECON103	Kinh tế	3		3						

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã Môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
16	Nguyên lý kế toán	Accounting Principles	ACC102	Kế toán	3		3						
17	Tài chính - Tiền tệ	Basics of Money and Finance	ACC101	Tài chính	2			2					
18	Nguyên lý thống kê	Principles of Statistics	BACU203	Quản trị kinh doanh	3			3					
19	Pháp luật kinh tế	Economic Law	ELAW204	Kinh tế	2			2					
20	Marketing căn bản	Principles of Marketing	BACU102	Quản trị kinh doanh	3				3				
II.2	Cơ sở ngành	Core Subjects			19								
II.2.1	Kiến thức bắt buộc	Compulsory Units			14								
21	Tư duy kinh tế và Định hướng nghề nghiệp	Economic Thinking and Career Orientation	ETCO101	Kinh tế	3	3							
22	Kinh tế lượng	Econometrics	ECON207	Kinh tế	2			2					
23	Phân tích chi phí - lợi ích	Cost-Benefit Analysis	CBA208	Kinh tế	3				3				
24	Tài chính quốc tế	International Finance	INFI209	Kinh tế	3				3				
25	Cách mạng công nghiệp 4.0	Fourth Industrial Revolution	FIR210	Kinh tế	3				3				
II.2.2	Kiến thức tự chọn	Elective Units			5						5		
26	Quản lý kinh tế	Economic Management	EM212	Kinh tế	2						2		

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã Môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
27	<i>Luật kinh doanh quốc tế</i>	<i>International Business Law</i>	<i>IBL205</i>	<i>Kinh tế</i>	3						3		
28	<i>Tin học ứng dụng trong kinh tế</i>	<i>Applied Informatics in Economics</i>	<i>AIEC206</i>	<i>Kinh tế</i>	3						3		
II.3	Các học phần ngành	Core Subjects			26								
II.3.1	Kiến thức bắt buộc	Compulsory Units			18								
29	Kinh tế quốc tế	International Economics	INEC213	Kinh tế	3				3				
30	Kinh tế phát triển 1	Development Economics 1	DEEC314	Kinh tế	3					3			
31	Kinh tế đầu tư 1	Investment Economics 1	INVE315	Kinh tế	3					3			
32	Nhập môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Introduction to Natural Resources Economics	INRE316	Kinh tế	3					3			
33	Tiếng Anh Kinh tế	English for Economics	EECO317	Kinh tế	3						3		
34	Quản lý và chuyển giao công nghệ	Technology Transfer and Management	TIM418	Kinh tế	3							3	
II.3.2	Kiến thức tự chọn	Selective Units			8			2		2	2	2	
35	<i>Kinh tế nguồn nhân lực</i>	<i>Human Resources Economics</i>	<i>HRE219</i>	<i>Kinh tế</i>	2			2					
36	<i>Kinh tế môi trường</i>	<i>Environmental Economics</i>	<i>EEC220</i>	<i>Kinh tế</i>	2			2					

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã Môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
37	Quản lý nhà nước về kinh tế	State management in economy	SMIE212	Quản lý xây dựng	2					2			
38	Phân tích và dự báo kinh tế	Economic Analysis and Forecasting	EAF221	Kinh tế	2					2			
39	Kinh tế xây dựng 1	Construction Economics 1	CECON316	Quản lý xây dựng	2						2		
40	Chiến lược và chính sách kinh doanh	Strategy and Business Policy	SBP322	Kinh tế	2						2		
41	Kinh tế du lịch căn bản	Fundamentals of Tourism Economy	FOTE423	Quản trị du lịch	2							2	
42	Kinh tế nông nghiệp	Argricultural Economics	AREC424	Kinh tế	2							2	
II.4	Kiến thức chuyên ngành	Speciality Units			34								
II.4.1	Chuyên ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Natural Resources Economics			34								
II.4.1.1	Kiến thức bắt buộc	Compulsory Units			21								
1	Kinh tế phát triển bền vững	Sustainable Development Economic	SDEC325	Kinh tế	3			3					
2	Kinh tế biến đổi khí hậu	Economics of Climate Change	ECC326	Kinh tế	3					3			
3	Kinh tế sinh thái	Ecological Economics	ECEC327	Kinh tế	3					3			

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã Môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
4	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Natural Resources Economics	NRE328	Kinh tế	3						3		
5	Đề án chuyên ngành kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Scheme on Natural Resources Economics	SNRE329	Kinh tế	3						3		
6	Lượng giá giá trị tài nguyên môi trường	Valuation of Environment and Natural Resources	VENR430	Kinh tế	3							3	
7	Kinh tế tài nguyên nước	Water Resources Economics	WRE431	Kinh tế	3							3	
II.4.1.2	Kiến thức tự chọn	Selective Units			3							3	
1	Kinh tế vùng duyên hải và biển	Coastal and Marine Economics	CME332	Kinh tế	3							3	
2	Kinh tế lâm nghiệp	Forestry Economy	FOEC333	Kinh tế	3							3	
II.4.1.3	Thực tập và học phần tốt nghiệp	Internship and Graduation Thesis			10								10
1	Thực tập chuyên ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Intership in Natural Resources Economics	INTE461	Kinh tế	3								3
2	Khóa luận tốt nghiệp	Graduate Thesis		Kinh tế	7								7
	Tổng cộng (I + II)	Total			130	14	16	19	18	19	18	16	10

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã Môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
II.4.2	Chuyên ngành Kinh tế quốc tế	International Economics			34								
II.4.2.1	Các học phần bắt buộc	Compulsory Units			21								
1	Hội nhập và định chế quốc tế	Integration and International Institutions	INTI334	Kinh tế	3					3			
2	Các thỏa ước thương mại đa phương	Multilateral Trade Agreements	MTA337	Kinh tế	3					3			
3	Thị trường thế giới và Kinh doanh thương mại quốc tế	The World Market and International Trade Bussiness	MITB335	Kinh tế	3						3		
4	Đề án chuyên ngành kinh tế quốc tế	Scheme on International Economics	SCIN338	Kinh tế	3						3		
5	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	Export - Import Practice	EIPR336	Kinh tế	3							3	
6	Tín dụng và thanh toán quốc tế	International Credit and Payment	ICP439	Kinh tế	3							3	
7	Logistics	Logistics	LOG440	Kinh tế	3							3	
II.4.2.2	Kiến thức tự chọn	Selective Units			3							3	
1	Đàm phán quốc tế	International Negotiations	INN341	Kinh tế	3							3	

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã Môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
2	Doanh nghiệp đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	Multinational Enterprises and Global Business Strategies	MEGS342	Kinh tế	3							3	
II.4.2.3	Thực tập và học phần tốt nghiệp	Internship and Graduation Thesis			10								10
1	Thực tập chuyên ngành Kinh tế quốc tế	Intership in International Economics	INTE462	Kinh tế	3								3
2	Khóa luận tốt nghiệp	Graduate Thesis		Kinh tế	7								7
	Tổng cộng (I + II)	Total			130	14	16	16	18	19	18	19	10
II.4.3	Chuyên ngành Kinh tế phát triển	Development Economics			34								
II.4.3.1	Kiến thức bắt buộc	Compulsory Units			22								
1	Kinh tế cộng đồng	Public Economics	PUEC343	Kinh tế	3					3			
2	Lập và thẩm định dự án đầu tư	Feasibility Study and Appraisal of Investment Projects	ECON328	Quản lý xây dựng	2					2			
3	Kinh tế phát triển 2	Development Economics 2	DEEC344	Kinh tế	3						3		
4	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	Economics and Policies of Regional Developemnt	EPDP345	Kinh tế	2						2		

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã Môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
5	Đề án chuyên ngành kinh tế phát triển	Scheme on Developmental Economics	SDE347	Kinh tế	3						3		
6	Kế hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội	Socio - economic Development Planning	SEDP346	Kinh tế	3							3	
7	Kinh tế và tài chính công	Economics and Public Finance	EPF448	Kinh tế	3							3	
8	Chương trình dự án phát triển kinh tế xã hội	Programs and Projects for Socio-economic Development	PPSD449	Kinh tế	3							3	
II.4.3.2	Kiến thức tự chọn	Selective Units			2							2	
1	Ứng dụng định lượng trong phân tích kinh tế	Quantitative application in Economic Analysis	QAEA350	Kinh tế	2							2	
2	Mô hình tăng trưởng và phát triển	Models of Growth and Development	MGD351	Kinh tế	2							2	
II.4.3.3	Thực tập và học phần tốt nghiệp	Internship and Graduation Thesis			10								10
1	Thực tập chuyên ngành Kinh tế phát triển	Internship in Development Economics	INTE463	Kinh tế	3								3
2	Khóa luận tốt nghiệp	Graduate Thesis		Kinh tế	7								7
	Tổng cộng (I + II)	Total			130	14	16	16	18	18	20	18	10

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã Môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
II.4.4	Chuyên ngành Kinh tế đầu tư	Investment Economics			34								
II.4.4.1	Kiến thức bắt buộc	Compulsory Units			21								
1	Lập và thẩm định dự án đầu tư	Feasibility Study and Appraisal of Investment Projects	ECON328	Quản lý xây dựng	2					2			
2	Kinh tế đầu tư 2	Investment Economics 2	INVE353	Kinh tế	2					2			
3	Đầu thầu quốc tế	International Tender	INTE354	Kinh tế	3					3			
4	Thị trường vốn	Capital Market	CAMA352	Kinh tế	3						3		
5	Đề án chuyên ngành kinh tế đầu tư	Scheme on Investment Economics	SIEC356	Kinh tế	3						3		
6	Xúc tiến đầu tư	Investment Promotion	INPR355	Kinh tế	2							2	
7	Quản trị rủi ro trong đầu tư	Risk Management in Investment	RMIN457	Kinh tế	3							3	
8	Quản lý dự án đầu tư	Investment Project Management	IPM458	Kinh tế	3							3	
II.4.4.2	Kiến thức tự chọn	Selective Units			3							3	
1	Quản trị tài chính kinh doanh	Business Financial Management	BFM359	Tài chính	3							3	

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã Môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
2	Thẩm định tài chính dự án	Financial Appraisal of the Project	FAPP360	Kinh tế	3							3	
II.4.4.3	Thực tập và học phần tốt nghiệp	Internship and Graduation Thesis			10								10
1	Thực tập chuyên ngành Kinh tế đầu tư	Intership in Investment Economics	INTE364	Kinh tế	3								3
2	Khóa luận tốt nghiệp	Graduate Thesis		Kinh tế	7								7
	Tổng cộng (I + II)				130	14	16	16	18	20	18	18	10

12. Ma trận quan hệ giữa CDR của chương trình đào tạo và các học phần

STT	Kiến thức/Kỹ năng	Chuẩn đầu ra																			
		CDR kiến thức							CDR kỹ năng									CDR năng lực tự chủ và trách nhiệm			CDR phẩm chất đạo đức
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																				
I.1	Lý luận chính trị																				
1	Pháp luật đại cương	x	x							x						x		x			x
2	Triết học Mác - Lênin	x	x							x						x		x			x
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x							x						x		x			x
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x							x						x		x			x

STT	Kiến thức/Kỹ năng	Chuẩn đầu ra																			
		CDR kiến thức							CDR kỹ năng								CDR năng lực tự chủ và trách nhiệm			CDR phẩm chất đạo đức	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x	x						x						x		x				x
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x						x						x		x				x
1.2	Kỹ năng																				
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	x	x						x						x		x				x
1.3	Toán và tin học																				
8	Toán cho các nhà Kinh tế	x	x						x						x		x				x
9	Tin học cơ bản	x	x						x					x	x		x				x
10	Xác suất thống kê	x	x						x						x		x				x
1.4	Tiếng Anh																				
11	Tiếng Anh 1	x	x						x						x	x		x			x
12	Tiếng Anh 2	x	x						x						x	x		x			x
1.5	Giáo dục quốc phòng	x	x																		x
1.6	Giáo dục thể chất	x	x																		x
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																				
II.1	Cơ sở khối ngành, cơ sở ngành																				
II.1.1	Cơ sở khối ngành																				
	<i>Các học phần bắt buộc</i>																				

STT	Kiến thức/Kỹ năng	Chuẩn đầu ra																			
		CDR kiến thức							CDR kỹ năng								CDR năng lực tự chủ và trách nhiệm			CDR phẩm chất đạo đức	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
13	Nguyên lý kinh tế vi mô			x					x												x
14	Quản trị học			x					x		x										x
15	Nguyên lý kinh tế vĩ mô			x					x												x
16	Nguyên lý kế toán	x							x						x	x	x	x			x
17	Tài chính - Tiền tệ			x				x				x							x		x
18	Nguyên lý thống kê	x							x						x	x	x	x			x
19	Pháp luật kinh tế	x							x	x						x	x	x	x		x
20	Marketing căn bản			x					x		x										x
	Các học phần lựa chọn																				
II.2.1	Cơ sở ngành																				
	Các học phần bắt buộc																				
21	Tư duy kinh tế và Định hướng nghề nghiệp	x	x	x					x	x	x										x
22	Kinh tế lượng		x	x					x			x							x		x
23	Phân tích chi phí - lợi ích			x	x	x	x	x		x		x				x			x		x
24	Tài chính quốc tế			x				x				x							x		x
25	Cách mạng công nghiệp 4.0			x	x	x	x	x	x						x	x	x	x			x
	Các học phần lựa chọn																				

STT	Kiến thức/Kỹ năng	Chuẩn đầu ra																		
		CDR kiến thức							CDR kỹ năng								CDR năng lực tự chủ và trách nhiệm			CDR phẩm chất đạo đức
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
26	<i>Quản lý kinh tế</i>		x	x	x	x			x						x	x	x		x	x
27	<i>Luật kinh doanh quốc tế</i>	x							x				x		x			x		x
28	<i>Tin học ứng dụng trong kinh tế</i>				x	x	x	x	x				x		x	x	x			x
II.3	Kiến thức ngành, chuyên ngành																			
II.3.1	Kiến thức ngành																			
	Các học phần bắt buộc																			
29	Kinh tế quốc tế						x		x	x					x			x		x
30	Kinh tế phát triển I	x	x	x		x			x	x								x		x
31	Kinh tế đầu tư I			x				x	x				x	x	x	x	x	x	x	x
32	Nhập môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên		x	x	x				x	x						x	x	x	x	x
33	Tiếng Anh Kinh tế						x							x						x
34	Quản lý và chuyển giao công nghệ		x	x					x					x		x	x		x	x
	Các học phần lựa chọn																			
35	<i>Kinh tế nguồn nhân lực</i>		x	x	x	x			x							x	x	x		x
36	<i>Kinh tế môi trường</i>		x	x	x				x	x								x	x	x
37	<i>Quản lý nhà nước về kinh tế</i>	x	x	x					x	x						x	x	x		x
38	<i>Phân tích và dự báo kinh tế</i>			x		x							x	x			x	x		x

STT	Kiến thức/Kỹ năng	Chuẩn đầu ra																		
		CDR kiến thức							CDR kỹ năng								CDR năng lực tự chủ và trách nhiệm			CDR phẩm chất đạo đức
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
39	<i>Kinh tế xây dựng I</i>		x	x				x	x		x			x	x		x			x
40	<i>Chiến lược và chính sách kinh doanh</i>			x					x	x						x	x	x		x
41	<i>Kinh tế du lịch căn bản</i>			x	x				x	x		x			x	x	x	x		x
42	<i>Kinh tế nông nghiệp</i>			x	x				x		x				x	x			x	x
II.3.2	Kiến thức chuyên ngành																			
II.3.2.1	Chuyên ngành 1: Kinh tế tài nguyên thiên nhiên																			
	Các học phần bắt buộc																			
1	<i>Kinh tế phát triển bền vững</i>		x	x	x				x	x	x						x	x	x	x
2	<i>Kinh tế biến đổi khí hậu</i>				x				x	x	x					x	x	x		x
3	<i>Kinh tế sinh thái</i>			x	x				x	x	x					x	x	x	x	x
4	<i>Kinh tế tài nguyên thiên nhiên</i>			x	x				x	x		x	x		x	x	x	x		x
5	<i>Đề án chuyên ngành kinh tế tài nguyên thiên nhiên</i>	x	x	x		x			x	x	x	x	x			x	x	x	x	x
6	<i>Lượng giá giá trị tài nguyên môi trường</i>		x	x	x				x	x						x	x	x		x
7	<i>Kinh tế tài nguyên nước</i>		x	x	x				x	x						x	x	x		x
8	<i>Thực tập chuyên ngành kinh tế tài nguyên thiên nhiên</i>		x	x					x	x						x	x	x	x	x
	Các học phần lựa chọn																			

STT	Kiến thức/Kỹ năng	Chuẩn đầu ra																				
		CDR kiến thức							CDR kỹ năng								CDR năng lực tự chủ và trách nhiệm			CDR phẩm chất đạo đức		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
1	<i>Kinh tế vùng duyên hải và biển</i>		x	x	x						x	x					x	x	x		x	x
2	<i>Kinh tế lâm nghiệp</i>		x	x	x						x	x					x	x	x		x	x
II.3.2.2	<i>Chuyên ngành 2: Kinh tế quốc tế</i>																					
	<i>Các học phần bắt buộc</i>																					
1	<i>Hội nhập và định chế thương mại quốc tế</i>							x			x						x		x	x		x
2	<i>Các thỏa ước thương mại đa phương</i>							x			x						x		x	x		x
3	<i>Thị trường thế giới và Kinh doanh thương mại quốc tế</i>							x			x						x		x	x		x
4	<i>Đề án chuyên ngành kinh tế quốc tế</i>	x	x	x		x					x	x	x				x	x	x	x	x	x
5	<i>Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu</i>							x			x						x			x	x	x
6	<i>Tín dụng và thanh toán quốc tế</i>			x													x	x	x			x
7	<i>Logistics</i>							x			x						x			x	x	x
8	<i>Thực tập chuyên ngành kinh tế quốc tế</i>		x	x							x	x					x	x	x	x	x	x
	<i>Các học phần lựa chọn</i>																					
1	<i>Đàm phán quốc tế</i>							x			x							x	x	x	x	x
2	<i>Doanh nghiệp đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu</i>							x			x						x			x	x	x
II.3.2.3	<i>Chuyên ngành 3: Kinh tế phát triển</i>																					

STT	Kiến thức/Kỹ năng	Chuẩn đầu ra																		
		CDR kiến thức							CDR kỹ năng								CDR năng lực tự chủ và trách nhiệm			CDR phẩm chất đạo đức
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Các học phần bắt buộc																			
1	Kinh tế công cộng	x	x	x		x			x	x						x	x	x		x
2	Lập và thẩm định dự án đầu tư			x				x					x			x	x	x		x
3	Kinh tế phát triển 2			x		x			x	x						x	x	x		x
4	Kinh tế và chính sách phát triển vùng			x		x			x	x						x	x	x	x	x
5	Đề án chuyên ngành kinh tế phát triển	x	x	x		x			x	x	x	x	x			x	x	x	x	x
6	Kế hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội			x		x				x	x						x	x	x	x
7	Kinh tế và tài chính công			x		x				x	x						x	x	x	x
8	Chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội			x		x			x	x							x	x	x	x
9	Thực tập chuyên ngành kinh tế phát triển		x	x					x	x						x	x	x	x	x
	Các học phần tự chọn																			
1	Ứng dụng định lượng trong phân tích kinh tế			x		x							x	x			x	x	x	x
2	Mô hình tăng trưởng và phát triển			x		x			x	x			x	x	x		x	x	x	x
II.3.2.4	Chuyên Ngành 4: Kinh tế đầu tư																			
	Các học phần bắt buộc																			
1	Lập và thẩm định dự án đầu tư			x				x								x	x	x		x
2	Kinh tế đầu tư 2			x				x	x							x	x	x	x	x

STT	Kiến thức/Kỹ năng	Chuẩn đầu ra																			
		CDR kiến thức							CDR kỹ năng								CDR năng lực tự chủ và trách nhiệm			CDR phẩm chất đạo đức	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
3	<i>Đầu thầu quốc tế</i>		x	x				x	x	x	x	x						x	x	x	x
4	<i>Thị trường vốn</i>			x				x	x				x	x	x	x	x	x	x		x
5	<i>Đề án chuyên ngành kinh tế đầu tư</i>	x	x	x		x			x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x
6	<i>Xúc tiến đầu tư</i>			x				x	x				x	x	x	x	x	x	x		x
7	<i>Quản trị rủi ro trong đầu tư</i>							x	x			x				x		x	x		x
8	<i>Quản lý dự án đầu tư</i>		x	x				x	x		x			x	x			x			x
9	<i>Thực tập chuyên ngành kinh tế đầu tư</i>		x	x				x	x						x	x	x	x	x	x	x
	Các học phần lựa chọn																				
1	<i>Quản trị tài chính kinh doanh</i>		x	x			x	x	x						x	x		x	x		x
2	<i>Thẩm định tài chính dự án</i>			x				x				x	x			x	x	x			x
	Khóa luận tốt nghiệp	x	x	x				x	x			x	x	x	x				x	x	x

13. Ma trận các phương pháp dạy học

STT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT					BÀI TẬP/BÀI TẬP NHÓM							THỰC HÀNH/TỰ HỌC							
		Thuyết trình /giảng	Đặt vấn đề	Thảo luận	Tình huống	Hỏi/đáp	Làm bài tập cá nhân	Làm bài tập nhóm	Thuyết trình	Thực hành	Tình huống	Thảo luận	Hỏi/đáp	Kiến tập/Báo cáo viên	Đề án/BTL	Tự NC					
1	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																				

STT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT					BÀI TẬP/BÀI TẬP NHÓM							THỰC HÀNH/TỰ HỌC		
		Thuyết trình /giảng	Đặt vấn đề	Thảo luận	Tình huống	Hỏi/đáp	Làm bài tập	Làm bài tập	Thuyết trình	Thực hành	Tình huống	Thảo luận	Hỏi/đáp	Kiểm tập/Báo cáo	Đề án/BTL	Tự NC
I.1	Lý luận chính trị															
1	Pháp luật đại cương	x	x	x	x	x					x	x				x
2	Triết học Mác - Lênin	x	x		x	x										x
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x		x	x										x
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x		x	x										x
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x	x		x	x		x								x
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x		x	x		x								x
I.2	Kỹ năng															
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	x	x	x	x	x	x		x		x	x	x		x	x
I.3	Khoa học tự nhiên và tin học															
8	Toán cho các nhà Kinh tế	x	x		x	x	x				x	x				x
9	Tin học cơ bản	x	x		x	x	x			x	x	x	x			x
10	Xác suất thống kê	x	x		x	x	x				x	x	x			x
I.4	Tiếng Anh															
11	Tiếng Anh 1	x	x	x	x	x	x				x					x
12	Tiếng Anh 2	x	x	x	x	x	x				x					x
I.5	Giáo dục quốc phòng															

STT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT					BÀI TẬP/BÀI TẬP NHÓM							THỰC HÀNH/TỰ HỌC		
		Thuyết trình /giảng	Đặt vấn đề	Thảo luận	Tình huống	Hỏi/đáp	Làm bài tập	Làm bài tập	Thuyết trình	Thực hành	Tình huống	Thảo luận	Hỏi/đáp	Kiểm tập/Báo cáo	Đề án/BTL	Tự NC
I.6	Giáo dục thể chất															
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP															
II.1	Cơ sở khối ngành, cơ sở ngành															
II.1.1	Cơ sở khối ngành															
	<i>Các học phần bắt buộc</i>															
13	Nguyên lý kinh tế vi mô	x	x	x	x	x	x									x
14	Quản trị học	x	x	x	x	x	x				x	x	x			x
15	Nguyên lý kinh tế vĩ mô	x	x	x	x	x	x									x
16	Nguyên lý kế toán	x	x	x	x	x	x				x	x	x			x
17	Tài chính - Tiền tệ	x	x	x	x	x	x				x	x	x			x
18	Nguyên lý thống kê	x	x	x	x	x	x				x	x	x			x
19	Pháp luật kinh tế	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x			x
20	Marketing căn bản	x	x	x	x	x	x				x	x	x			
	<i>Các học phần lựa chọn</i>															
II.2.1	Cơ sở ngành															
	<i>Các học phần bắt buộc</i>															

STT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT					BÀI TẬP/BÀI TẬP NHÓM							THỰC HÀNH/TỰ HỌC			
		Thuyết trình /giảng	Đặt vấn đề	Thảo luận	Tình huống	Hỏi/đáp	Làm bài tập	Làm bài tập	Thuyết trình	Thực hành	Tình huống	Thảo luận	Hỏi/đáp	Kiến tập/Báo cáo	Đề án/BTL	Tự NC	
21	Tư duy kinh tế và Định hướng nghề nghiệp	x	x	x	x	x		x	x			x	x	x			x
22	Kinh tế lượng	x	x	x	x	x	x							x			
23	Phân tích chi phí - lợi ích	x	x	x	x	x	x	x						x			x
24	Tài chính quốc tế	x	x	x	x	x	x					x	x	x			x
25	Cách mạng công nghiệp 4.0	x	x	x	x	x		x	x			x	x	x			x
	Các học phần lựa chọn																
26	<i>Quản lý kinh tế</i>	x	x	x	x	x		x	x			x	x	x			x
27	<i>Luật kinh doanh quốc tế</i>	x	x	x	x	x		x	x			x	x	x			x
28	<i>Tin học ứng dụng trong kinh tế</i>	x	x	x	x	x	x				x			x		x	x
II.3	Kiến thức ngành, chuyên ngành																
II.3.1	Kiến thức ngành																
	Các học phần bắt buộc																
29	Kinh tế quốc tế	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x			x
30	Kinh tế phát triển I	x	x	x		x	x	x	x				x	x			
31	Kinh tế đầu tư I	x	x	x	x	x		x	x				x	x			x
32	Nhập môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x			x

STT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT					BÀI TẬP/BÀI TẬP NHÓM							THỰC HÀNH/TỰ HỌC		
		Thuyết trình /giảng	Đặt vấn đề	Thảo luận	Tình huống	Hỏi/đáp	Làm bài tập	Làm bài tập	Thuyết trình	Thực hành	Tình huống	Thảo luận	Hỏi/đáp	Kiểm tập/Báo cáo	Đề án/BTL	Tự NC
33	Tiếng Anh Kinh tế	x	x	x	x	x		x	x		x	x				x
34	Quản lý và chuyển giao công nghệ	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x			x
	Các học phần lựa chọn															
35	Kinh tế nguồn nhân lực	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x			x
36	Kinh tế môi trường	x	x	x	x	x	x	x				x	x			x
37	Quản lý nhà nước về kinh tế	x	x	x	x			x	x			x	x			x
38	Phân tích và dự báo kinh tế	x	x	x	x	x	x			x			x		x	x
39	Kinh tế xây dựng I	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x			x
40	Chiến lược và chính sách kinh doanh	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x			x
41	Kinh tế du lịch căn bản	x	x	x	x	x	x	x				x	x			x
42	Kinh tế nông nghiệp	x	x	x	x	x	x	x				x	x			x
II.3.2	Kiến thức chuyên ngành															
II.3.2.1	Chuyên ngành 1: Kinh tế tài nguyên thiên nhiên															
	Các học phần bắt buộc															
1	Kinh tế phát triển bền vững	x	x	x	x	x	x	x				x	x			x

STT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT					BÀI TẬP/BÀI TẬP NHÓM							THỰC HÀNH/TỰ HỌC		
		Thuyết trình /giảng	Đặt vấn đề	Thảo luận	Tình huống	Hỏi/đáp	Làm bài tập	Làm bài tập	Thuyết trình	Thực hành	Tình huống	Thảo luận	Hỏi/đáp	Kiểm tập/Báo cáo	Đề án/BTL	Tự NC
2	<i>Kinh tế biến đổi khí hậu</i>	x	x	x	x	x	x	x				x	x			x
3	<i>Kinh tế sinh thái</i>	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x			x
4	<i>Kinh tế tài nguyên thiên nhiên</i>	x	x	x	x	x	x	x				x	x			x
5	<i>Đề án chuyên ngành kinh tế tài nguyên thiên nhiên</i>	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x
6	<i>Lượng giá giá trị tài nguyên môi trường</i>	x	x	x	x	x	x	x				x	x			x
7	<i>Kinh tế tài nguyên nước</i>	x	x	x	x	x	x	x				x	x			x
8	<i>Thực tập chuyên ngành kinh tế tài nguyên thiên nhiên</i>	x	x				x						x		x	x
	Các học phần lựa chọn															
1	<i>Kinh tế vùng duyên hải và biển</i>	x	x	x	x	x	x	x				x	x			x
2	<i>Kinh tế lâm nghiệp</i>	x	x	x	x	x	x	x				x	x			x
II.3.2.2	Chuyên ngành 2: Kinh tế quốc tế															
	Các học phần bắt buộc															
1	<i>Hội nhập và định chế quốc tế</i>	x	x	x		x	x	x	x		x	x	x			x

STT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT					BÀI TẬP/BÀI TẬP NHÓM							THỰC HÀNH/TỰ HỌC		
		Thuyết trình /giảng	Đặt vấn đề	Thảo luận	Tình huống	Hỏi/đáp	Làm bài tập	Làm bài tập	Thuyết trình	Thực hành	Tình huống	Thảo luận	Hỏi/đáp	Kiến tập/Báo cáo	Đề án/BTL	Tự NC
2	<i>Các thỏa ước thương mại đa phương</i>	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x			x
3	<i>Thị trường thế giới và Kinh doanh thương mại quốc tế</i>	x	x	x	x	x		x	x			x	x	x		x
4	<i>Đề án chuyên ngành kinh tế quốc tế</i>	x	x	x	x	x		x	x			x	x	x	x	x
5	<i>Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu</i>	x	x	x	x	x		x	x			x	x	x		x
6	<i>Tin dụng và thanh toán quốc tế</i>	x	x	x	x	x		x	x			x	x	x		x
7	<i>Logistics</i>	x	x	x	x	x		x	x			x	x	x		x
8	<i>Thực tập chuyên ngành kinh tế quốc tế</i>	x	x				x							x	x	x
	Các học phần lựa chọn															
1	<i>Đàm phán quốc tế</i>	x	x	x	x	x		x	x			x	x	x		x
2	<i>Doanh nghiệp đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu</i>	x	x	x	x	x		x	x			x	x	x		x
II.3.2.3	Chuyên ngành 3: Kinh tế phát triển															
	Các học phần bắt buộc															

STT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT					BÀI TẬP/BÀI TẬP NHÓM							THỰC HÀNH/TỰ HỌC		
		Thuyết trình /giảng	Đặt vấn đề	Thảo luận	Tình huống	Hỏi/đáp	Làm bài tập	Làm bài tập	Thuyết trình	Thực hành	Tình huống	Thảo luận	Hỏi/đáp	Kiến tập/Báo cáo	Đề án/BTL	Tự NC
1	<i>Kinh tế công cộng</i>	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x			
2	<i>Lập và thẩm định dự án đầu tư</i>	x	x	x	x	x		x	x			x	x			x
3	<i>Kinh tế phát triển 2</i>	x	x	x		x	x	x	x		x	x	x			
4	<i>Kinh tế và chính sách phát triển vùng</i>	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x			x
5	<i>Đề án chuyên ngành kinh tế phát triển</i>	x	x				x						x	x	x	x
6	<i>Kế hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội</i>	x	x	x	x	x		x	x	x		x	x			x
7	<i>Kinh tế và tài chính công</i>	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
8	<i>Chương trình dự án phát triển kinh tế xã hội</i>	x	x	x	x	x		x	x	x		x	x			x
9	<i>Thực tập chuyên ngành kinh tế phát triển</i>	x	x				x						x		x	x
	Các học phần tự chọn															
1	<i>Ứng dụng định lượng trong phân tích kinh tế</i>	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x			x

STT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT					BÀI TẬP/BÀI TẬP NHÓM							THỰC HÀNH/TỰ HỌC		
		Thuyết trình /giảng	Đặt vấn đề	Thảo luận	Tình huống	Hỏi/đáp	Làm bài tập	Làm bài tập	Thuyết trình	Thực hành	Tình huống	Thảo luận	Hỏi/đáp	Kiến tập/Báo cáo	Đề án/BTL	Tự NC
2	Mô hình tăng trưởng và phát triển	x	x	x		x	x	x				x	x			
II.3.2.4	Chuyên Ngành 4: Kinh tế đầu tư															
	Các học phần bắt buộc															
1	Lập và thẩm định dự án đầu tư	x	x	x	x	x	x	x				x	x			x
2	Kinh tế đầu tư 2	x	x	x	x	x	x	x				x	x			x
3	Đầu thầu quốc tế	x	x	x	x	x		x	x			x	x			x
4	Thị trường vốn	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x			x
5	Đề án chuyên ngành kinh tế đầu tư	x	x			x	x						x	x	x	x
6	Xúc tiến đầu tư	x	x	x	x	x		x	x			x	x			x
7	Quản trị rủi ro trong đầu tư	x	x	x	x	x	x	x				x	x			x
8	Quản lý dự án đầu tư	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x			x
9	Thực tập chuyên ngành kinh tế đầu tư	x	x				x						x		x	x
	Các học phần lựa chọn															

STT	HỌC PHẦN	LÝ THUYẾT					BÀI TẬP/BÀI TẬP NHÓM							THỰC HÀNH/TỰ HỌC		
		Thuyết trình /giảng	Đặt vấn đề	Thảo luận	Tình huống	Hỏi/đáp	Làm bài tập	Làm bài tập	Thuyết trình	Thực hành	Tình huống	Thảo luận	Hỏi/đáp	Kiểm tập/Báo cáo	Đề án/BTL	Tự NC
1	<i>Quản trị tài chính kinh doanh</i>	x	x	x	x	x		x	x			x	x			x
2	<i>Thẩm định tài chính dự án</i>	x	x	x	x	x	x	x				x	x			x
	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	x	x			x	x		x				x	x	x	x

14. Ma trận các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học

STT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN				THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		Điểm chuyên cần	BT cá nhân	BT nhóm	Bài kiểm tra trên lớp	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG								
I.1	Lý luận chính trị								
1	Pháp luật đại cương	x			x		x		
2	Triết học Mác - Lênin	x			x		x		
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x			x		x		
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x			x		x		
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x		x	x		x		

STT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN				THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		Điểm chuyên cần	BT cá nhân	BT nhóm	Bài kiểm tra trên lớp	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X		X	X		X		
I.2	Kỹ năng								
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	X	X		X			X	
I.3	Khoa học tự nhiên và tin học								
8	Toán cho các nhà Kinh tế	X	X		X			X	
9	Tin học cơ bản	X			X		X		
10	Xác suất thống kê	X	X		X			X	
I.4	Tiếng Anh								
11	Tiếng Anh 1	X	X		X		X		
12	Tiếng Anh 2	X	X		X		X		
I.5	Giáo dục quốc phòng	X			X				X
I.6	Giáo dục thể chất	X			X				X
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
II.1	Cơ sở khối ngành, cơ sở ngành								
II.1.1	Cơ sở khối ngành								

STT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN				THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		Điểm chuyên cần	BT cá nhân	BT nhóm	Bài kiểm tra trên lớp	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
	Các học phần bắt buộc								
13	Nguyên lý kinh tế vi mô	X	X		X		X		
14	Quản trị học								
15	Nguyên lý kinh tế vĩ mô	X	X		X		X		
16	Nguyên lý kế toán	X	X		X			X	
17	Tài chính - Tiền tệ	X	X		X			X	
18	Nguyên lý thống kê	X	X		X			X	
19	Pháp luật kinh tế	X		X	X		X		
20	Marketing căn bản	X	X		X			X	
	Các học phần lựa chọn								
II.2.1	Cơ sở ngành								
	Các học phần bắt buộc								
21	Tư duy kinh tế và Định hướng nghề nghiệp	X		X	X			X	
22	Kinh tế lượng	X	X					X	
23	Phân tích chi phí - lợi ích	X	X		X			X	
24	Tài chính quốc tế	X	X		X		X		

STT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN				THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		Điểm chuyên cần	BT cá nhân	BT nhóm	Bài kiểm tra trên lớp	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
25	Cách mạng công nghiệp 4.0	X		X	X		X		
	Các học phần lựa chọn								
26	<i>Quản lý kinh tế</i>								
27	<i>Luật kinh doanh quốc tế</i>	X		X	X		X		
28	<i>Tin học ứng dụng trong kinh tế</i>	X	X		X				X
II.3	Kiến thức ngành, chuyên ngành								
II.3.1	Kiến thức ngành								
	Các học phần bắt buộc								
29	Kinh tế quốc tế	X	X	X	X		X		
30	Kinh tế phát triển I	X	X	X	X			X	
31	Kinh tế đầu tư I	X		X	X			X	
32	Nhập môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	X		X	X			X	
33	Tiếng Anh Kinh tế	X		X	X		X		
34	Quản lý và chuyên giao công nghệ	X	X		X			X	

STT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN				THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		Điểm chuyên cần	BT cá nhân	BT nhóm	Bài kiểm tra trên lớp	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
	Các học phần lựa chọn								
35	<i>Kinh tế nguồn nhân lực</i>							X	
36	<i>Kinh tế môi trường</i>	X		X	X			X	
37	<i>Quản lý nhà nước về kinh tế</i>	X	X		X		X		
38	<i>Phân tích và dự báo kinh tế</i>	X	X		X			X	
39	<i>Kinh tế xây dựng I</i>	X	X		X		X		
40	<i>Chiến lược và chính sách kinh doanh</i>	X		X				X	
41	<i>Kinh tế du lịch căn bản</i>	X		X	X			X	
42	<i>Kinh tế nông nghiệp</i>	X		X	X			X	
II.3.2	Kiến thức chuyên ngành								
II.3.2.1	Chuyên ngành 1: Kinh tế tài nguyên thiên nhiên								
	Các học phần bắt buộc								
1	<i>Kinh tế phát triển bền vững</i>	X		X	X			X	

STT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN				THI KẾT THỨC HỌC PHẦN			
		Điểm chuyên cần	BT cá nhân	BT nhóm	Bài kiểm tra trên lớp	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
2	<i>Kinh tế biến đổi khí hậu</i>	X		X	X			X	
3	<i>Kinh tế sinh thái</i>	X		X	X			X	
4	<i>Kinh tế tài nguyên thiên nhiên</i>	X		X	X			X	
5	<i>Đề án chuyên ngành kinh tế tài nguyên thiên nhiên</i>	X	X					X	
6	<i>Lượng giá giá trị tài nguyên môi trường</i>	X		X	X			X	
7	<i>Kinh tế tài nguyên nước</i>	X		X	X			X	
8	<i>Thực tập chuyên ngành kinh tế tài nguyên thiên nhiên</i>	X	X					X	
	<i>Các học phần lựa chọn</i>								
1	<i>Kinh tế vùng duyên hải và biển</i>	X		X	X			X	
2	<i>Kinh tế lâm nghiệp</i>	X		X	X			X	

STT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN				THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		Điểm chuyên cần	BT cá nhân	BT nhóm	Bài kiểm tra trên lớp	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
II.3.2.2	Chuyên ngành 2: Kinh tế quốc tế								
	Các học phần bắt buộc								
1	Hội nhập và định chế quốc tế	X	X	X	X		X	X	
2	Các thỏa ước thương mại đa phương	X	X	X	X		X		
3	Thị trường thế giới và Kinh doanh thương mại quốc tế	X		X	X			X	
4	Đề án chuyên ngành kinh tế quốc tế	X						X	
5	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	X		X	X		X		
6	Tin dụng và thanh toán quốc tế	X		X	X		X		
7	Logistics	X	X		X		X		
8	Thực tập chuyên ngành kinh tế quốc tế	X	X					X	

STT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN				THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		Điểm chuyên cần	BT cá nhân	BT nhóm	Bài kiểm tra trên lớp	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
	Các học phần lựa chọn								
1	Đàm phán quốc tế	X		X	X		X		
2	Doanh nghiệp đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu	X			X			X	
II.3.2.3	Chuyên ngành 3: Kinh tế phát triển								
	Các học phần bắt buộc								
1	Kinh tế công cộng	X	X		X			X	
2	Lập và thẩm định dự án đầu tư	X		X	X			X	
3	Kinh tế phát triển 2	X	X	X	X			X	
4	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	X		X	X		X		
5	Đề án chuyên ngành kinh tế phát triển	X						X	
6	Kế hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội	X	X	X				X	

STT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN				THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		Điểm chuyên cần	BT cá nhân	BT nhóm	Bài kiểm tra trên lớp	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
7	<i>Kinh tế và tài chính công</i>	X	X	X	X			X	
8	<i>Chương trình dự án phát triển kinh tế xã hội</i>	X		X				X	
9	<i>Thực tập chuyên ngành kinh tế phát triển</i>	X	X					X	
	Các học phần tự chọn								
1	<i>Ứng dụng định lượng trong phân tích kinh tế</i>	X		X				X	
2	<i>Mô hình tăng trưởng và phát triển</i>	X	X	X	X			X	
II.3.2.4	Chuyên Ngành 4: Kinh tế đầu tư								
	Các học phần bắt buộc								
1	<i>Lập và thẩm định dự án đầu tư</i>	X		X	X			X	
2	<i>Kinh tế đầu tư 2</i>	X		X	X			X	
3	<i>Đầu thầu quốc tế</i>	X		X	X		X		

STT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN				THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		Điểm chuyên cần	BT cá nhân	BT nhóm	Bài kiểm tra trên lớp	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành
4	<i>Thị trường vốn</i>	X		X	X			X	
5	<i>Đề án chuyên ngành kinh tế đầu tư</i>	X	X					X	
6	<i>Xúc tiến đầu tư</i>	X		X	X			X	
7	<i>Quản trị rủi ro trong đầu tư</i>	X		X	X			X	
8	<i>Quản lý dự án đầu tư</i>	X		X	X			X	
9	<i>Thực tập chuyên ngành kinh tế đầu tư</i>	X	X					X	
	<i>Các học phần lựa chọn</i>								
1	<i>Quản trị tài chính kinh doanh</i>	X			X			X	
2	<i>Thẩm định tài chính dự án</i>	X	X		X			X	
	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>								

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học có thể được điều chỉnh theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Trường (thể hiện trong Quy chế đào tạo trình độ đại học).

TRƯỜNG KHOA

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Đỗ Văn Quang', is positioned above a horizontal blue line.

Đỗ Văn Quang

